SAO Y; Văn phòng Ủy ban nhân dân; Thời gian ký: 14/06/2025 15:55:38 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 119 /BC-UBND	*Thái Nguyên, ngày 14 tháng 6 năm 2025*

BÁO CÁO
Tổng kết Chương trình cải cách hành chính nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2026 - 2030

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Các hoạt động chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện

1.1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ, ngày 16/12/2021, Ban Cán sự đảng UBND tỉnh đã báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thông qua và UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4020/QĐ-UBND về Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 20-CT/TU ngày 26/4/2023 về tiếp tục đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025. Nhằm tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành CCHC, UBND tỉnh kiện toàn Ban chỉ đạo CCHC, nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025 do Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng Ban Chỉ đạo.

- Công tác CCHC trên địa bàn tỉnh luôn được các cấp, các ngành quan tâm, chú trọng, bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bố trí kinh phí thực hiện; trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình CCHC tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, hằng năm UBND tỉnh ban hành Kế hoạch giao nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị, địa phương và chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện; định kỳ tham mưu UBND tỉnh đánh giá sơ kết mục tiêu CCHC của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 để đánh giá đúng lộ trình triển khai thực hiện và có giải pháp tiếp tục triển khai thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, đạt hiệu quả cao. Từ năm 2021 đến nay, UBND tỉnh ban hành 141 văn bản chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC như: Kế hoạch đo lường mức độ hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2024 - 2026; Kế hoạch thực hiện Đề án văn hóa công vụ giai đoạn 2024 - 2025; Chương trình nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2025; Kế hoạch cải cách tài chính công tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2025; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021 - 2025...

1.2. Tổ chức, triển khai thực hiện

- Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025 đề ra 26 chỉ tiêu, đến nay, tỉnh Thái Nguyên đã hoàn thành 22/26 chỉ tiêu trên 6 nội dung của Chương trình: Cải cách thể chế (02 chỉ tiêu); Cải cách TTHC (06 chỉ tiêu); Cải cách tổ chức bộ máy (02 chỉ tiêu); Cải cách chế độ công vụ (01 chỉ tiêu); Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số (11 chỉ tiêu); có nhiều chỉ tiêu hoàn thành trước thời hạn như: Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh Thái Nguyên vượt chỉ tiêu (năm 2023 đạt 90,29%, năm 2024 đạt 90,23%); mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt trên 90%; 100% TTHC thuộc thẩm quyền của tỉnh có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến, trong đó trên 80% được tích hợp cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia năm 2024; 100% cơ sở dữ liệu tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử được kết nối, chia sẻ với hệ thống của quốc gia; trên 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và trên 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng...

- Thực hiện Kế hoạch của Bộ Nội vụ về triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) hằng năm, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan triển khai thực hiện tự chấm điểm; rà soát, cung cấp tài liệu kiểm chứng, giải trình, đánh giá các nội dung, tiêu chí của Chỉ số CCHC theo quy định. Trong 04 năm (Từ năm 2021 đến năm 2024), Chỉ số CCHC tỉnh Thái Nguyên luôn nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu trong cả nước[(1)], năm 2024, Chỉ số CCHC của tỉnh Thái Nguyên đạt 91,47% và xếp vị trí thứ 05/63 tỉnh, thành phố, là năm có thứ hạng cao nhất, xếp thứ nhất trong 14 tỉnh khu vực Trung du Miền núi phía Bắc. Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) của tỉnh Thái Nguyên từ năm 2021 - 2024 đã đạt được những kết quả tích cực rõ rệt[(2)], ba năm liên tục xếp vị trí thứ 02/63 tỉnh, thành phố (từ năm 2022 - 2024) và vị trí thứ nhất trong 14 tỉnh khu vực Trung du Miền núi phía Bắc; năm 2023 là năm tỉnh Thái Nguyên đã đạt được mục tiêu đề ra theo Chương trình cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025 (mức độ hài lòng về sự phục vụ đạt từ 90% trở lên) và đã đạt 90,29%.

- Từ kết quả các Chỉ số trên của tỉnh Thái Nguyên từ năm 2021 đến nay cho thấy, công tác CCHC nói chung và xây dựng chính quyền phục vụ nhân dân

---

[(1)] Chỉ số CCHC tỉnh Thái Nguyên các năm: Năm 2021 xếp vị trí thứ 06/63 tỉnh, thành phố, đạt 89,20 điểm; năm 2022 xếp vị trí thứ 09/63 tỉnh, thành phố, đạt 87,38 điểm; năm 2023 xếp vị trí thứ 06/63 tỉnh, thành phố, đạt 90,76 điểm; năm 2024 xếp vị trí thứ 05/63 tỉnh, thành phố, đạt 91,47% và xếp thứ nhất trong 14 tỉnh khu vực Trung du Miền núi phía Bắc.

[(2)] Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) của tỉnh Thái Nguyên các năm: Năm 2021 xếp vị trí thứ 11/63 tỉnh, thành phố, đạt 89,42 điểm; năm 2022 xếp vị trí thứ 02/63 tỉnh, thành phố, đạt 86,26 điểm; năm 2023 xếp vị trí thứ 02/63 tỉnh, thành phố, đạt 90,29 điểm; năm 2024 xếp vị trí thứ 02/63 tỉnh, thành phố, đạt 90,23% và xếp thứ nhất trong 14 tỉnh khu vực Trung du Miền núi phía Bắc.

nói riêng của tỉnh Thái Nguyên được các bộ, ngành Trung ương đánh giá cao. Sau khi công bố kết quả các Chỉ số, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ xây dựng báo cáo đánh giá, phân tích các Chỉ số, đồng thời phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch duy trì, cải thiện và nâng cao các Chỉ số của tỉnh hằng năm và giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện.

- Nhằm đạt được các mục tiêu Chương trình CCHC của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, trong đó tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, kịp thời có giải pháp khắc phục hạn chế, UBND tỉnh đã ban hành Quy định theo dõi, đánh giá, xác định Chỉ số CCHC đối với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc tỉnh giai đoạn 2022 - 2025, đồng thời sửa đổi, thay thế, ban hành quy định mới cho phù hợp với chỉ đạo của Trung ương và áp dụng hệ thống phần mềm điện tử thực hiện đánh giá CCHC; đo lường mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước[3]; đồng thời công bố kết quả xếp hạng đối với sở, ngành, UBND cấp huyện; các địa phương công bố, đánh giá xếp hạng Chỉ số CCHC đối với cấp xã. Để đảm bảo hiệu quả, phù hợp với Chương trình CCHC của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện xây dựng, ban hành tiêu chí đánh giá, xác định Chỉ số CCHC đối với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã và hiện nay đang được tiếp tục triển khai thực hiện đánh giá.

- Nhằm đánh giá, xếp loại phản ánh đúng chất lượng, mức độ, hiệu quả hoạt động đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao và các yêu cầu chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành quy chế, Bộ tiêu chí và triển khai đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với tổ chức thuộc thẩm quyền; hằng năm, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ tại các cơ quan, đơn vị, địa phương, kết quả năm 2024 đã triển khai đánh giá đối với 42 cơ quan, đơn vị, địa phương[4], trên cơ sở đó đề ra các giải pháp để phát huy các mặt tích cực, khắc phục các mặt yếu kém; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; phát huy vai trò của người đứng đầu và nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của chính quyền cơ sở trong việc xây dựng nền hành chính phục vụ, thân thiện, hiện đại và hiệu lực,

---

[3] Quyết định số 4203/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy định đánh giá, xác định Chỉ số CCHC đối với UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 1908/QĐ-UBND ngày 24/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy định đánh giá, xác định Chỉ số CCHC giai đoạn 2024 - 2025 đối với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên.

[4] Trong đó có 20 sở, ban, ngành; 09 UBND huyện, thành phố; 07 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh; 06 hội đặc thù cấp tỉnh.

hiệu quả, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, đẩy mạnh CCHC, nâng cao chất lượng phục vụ, tỉnh Thái Nguyên ban hành Kế hoạch và triển khai thực hiện mô hình điểm "Chính quyền thân thiện, Nhân dân phát huy quyền làm chủ" tại 20 đơn vị cấp xã trên địa bàn tỉnh năm 2024 và tiếp tục triển khai thực hiện 100% đơn vị cấp xã trong năm 2025.

2. Công tác tuyên truyền CCHC

- Hằng năm, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC, nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công, giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện. Từ năm 2021 đến nay, các cơ quan thông tin, truyền thông của tỉnh đã chủ động thông tin, tuyên truyền về các hoạt động CCHC với 3.022 tin, bài, phóng sự, chuyên mục, chuyên đề được đăng tải, phát trên sóng phát thanh - truyền hình Thái Nguyên, Báo Thái Nguyên và Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử CCHC tỉnh Thái Nguyên tuyên truyền về CCHC và các kênh thông tin, tuyên truyền khác.

- Nhiều cơ quan, đơn vị (Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ, Trường Chính trị, Sở Nội vụ...) đã tổ chức hội thảo khoa học như: Hội thảo khoa học "Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng gắn với công tác CCHC, chấn chỉnh lề lối, tác phong công tác của cán bộ, đảng viên tại cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị", "Cải cách hành chính nhà nước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030" nhằm tổng kết những thành tựu, bài học kinh nghiệm và nâng cao hiệu quả thực hiện CCHC giai đoạn 2021 - 2030"; "Hoạt động từ mô hình chính quyền thân thiện, nhân dân phát huy quyền làm chủ trong việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy hiện nay năm 2025"; Công Đoàn viên chức tỉnh Thái Nguyên tổ chức cuộc thi CCHC và xây dựng văn hóa công sở... Bên cạnh đó, các đơn vị, địa phương tích cực tổ chức các hoạt động tuyên truyền bằng nhiều hình thức hiệu quả, phù hợp như: Tổ chức cuộc thi tìm hiểu CCHC (Sở Tài chính, Thanh tra tỉnh, UBND huyện Phú Lương, huyện Đại Từ, UBND thành phố Thái Nguyên)... (sân khấu hóa, trực tuyến), pa nô, khẩu hiệu, tờ rơi, tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh tại các khu dân cư, trên các trang thông tin điện tử, trên các ứng dụng số (zalo, facebook...); tổ chức hội nghị phổ biến, tuyên truyền nội dung Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở để nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ (SIPAS) tại các xóm/tổ dân phố trên địa bàn tỉnh, qua đó, góp phần nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về CCHC, ý thức, đạo đức, trách nhiệm trong thi hành công vụ.

3. Về áp dụng mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC

Nhằm khuyến khích, động viên đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh tích cực nghiên cứu khoa học, đề xuất giải pháp, mô hình, sáng kiến cách làm hay trong triển khai CCHC, hằng năm UBND tỉnh đã ban hành quyết định công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến CCHC trên địa

bàn tỉnh. Trong 04 năm (từ năm 2021 - 2024) UBND tỉnh công nhận phạm vi ảnh hưởng cấp tỉnh đối đối với 67 sáng kiến, đề tài khoa học về CCHC và hiện nay đã được áp dụng vào thực tiễn, đạt hiệu quả cao và có khả năng mở rộng áp dụng trong phạm vi toàn quốc như: Sáng kiến đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp nhằm đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; giải pháp nâng cao tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; nhập thị trấn Quân Chu vào xã Quân Chu để mở rộng địa giới hành chính thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ; quy chế và tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên; sáng kiến "Mô hình xã nông thôn mới thông minh"...

4. Công tác khen thưởng trong thực hiện CCHC

Để động viên, khích lệ kịp thời các điển hình tiêu biểu trong công tác CCHC, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 ban hành quy định thi đua, khen thưởng phong trào thực hiện CCHC tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2018 - 2025. Hằng năm, Sở Nội vụ hướng dẫn các đơn vị, địa phương tổng kết, đánh giá khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện CCHC. Trong 4 năm 2021 - 2024 đã có 55 tập thể và 53 cá nhân được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố đã kịp thời tặng Giấy khen cho các tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý có thành tích tiêu biểu trong công tác CCHC của đơn vị, địa phương.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

1.1. Công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

- Xác định công tác xây dựng thể chế, hoàn thiện pháp luật là nhiệm vụ trọng tâm, tạo cơ sở pháp lý, môi trường an toàn, thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên hàng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, Chủ tịch UBND tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng pháp luật, chất lượng các dự thảo văn bản QPPL; gắn việc xây dựng pháp luật với tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật tại địa phương; thường xuyên chỉ đạo việc kiểm tra, rà soát, đánh giá thực tiễn thi hành pháp luật để kịp thời ban hành hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật xử lý những vấn đề không còn phù hợp hoặc những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn.

- UBND tỉnh đã trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 12/4/2022 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL và tổ chức thi hành pháp luật; ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị; Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án số 10-ĐA/TU ngày 18/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về "Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách tư pháp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025" trong đó có nội dung tăng cường hoàn thiện thể chế. UBND

tỉnh ban hành Kế hoạch số 101/KH-UBND về thực hiện Chương trình hành động số 35-CTr/TU ngày 07/02/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, trong đó có nội dung tăng cường hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật; xây dựng hệ thống văn bản QPPL của địa phương bảo đảm khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả. Tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 43/CT-TTg ngày 01/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn hiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật.

- Tổ chức triển khai khảo sát nhận thức của tổ chức, cá nhân về hoạt động xây dựng văn bản pháp luật theo Quyết định số 3133/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về phê duyệt Đề án tăng cường hoạt động xây dựng văn bản QPPL tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2023 - 2025. Qua khảo sát cho thấy từ việc chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và kết quả triển khai Đề án, nhận thức về công tác xây dựng văn bản QPPL đã được nâng lên rõ rệt; hoạt động kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL được thực hiện tương đối nghiêm túc. Đây là Đề án quan trọng, gắn liền với việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh.

- Công tác thẩm định, tham gia ý kiến vào dự thảo văn bản QPPL được thực hiện có hiệu quả, 100% văn bản QPPL của HĐND và UBND các cấp trước khi ban hành được cơ quan Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp thẩm định. 100% dự thảo văn bản QPPL được thẩm định, trên cơ sở đó từ năm 2021 đến 20/5/2025, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành 321 văn bản QPPL điều chỉnh trên các lĩnh vực[5] (trong đó có 113 Nghị quyết, 208 Quyết định). Hệ thống văn bản QPPL được ban hành đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ chung trong hệ thống pháp luật, tính khả thi, đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

1.2. Kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL

a) Kiểm tra văn bản QPPL

- Thực hiện Luật Ban hành văn bản QPPL và các văn bản hướng dẫn thi hành, hằng năm, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL và cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật. Trên cơ sở kế hoạch của UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn của tỉnh đã tổ chức triển khai các nhiệm vụ theo thẩm quyền, đúng yêu cầu đề ra; thành lập Đoàn kiểm tra, thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh với 247 văn bản, tỷ lệ xử lý văn bản QPPL sau kiểm tra đạt 100%.

---

[5] Năm 2021 ban hành 83 văn bản QPPL (27 Nghị quyết, 56 Quyết định); năm 2022 ban hành 69 văn bản QPPL (35 Nghị quyết, 34 Quyết định); năm 2023 ban hành 64 văn bản QPPL (28 Nghị quyết, 36 Quyết định); năm 2024 ban hành 87 văn bản QPPL (22 Nghị quyết, 75 Quyết định); năm 2025 ban hành 08 văn bản QPPL (01 Nghị quyết, 07 Quyết định).

- Hoạt động tự kiểm tra văn bản được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo 100% văn bản QPPL ban hành được tự kiểm tra theo quy định. Từ năm 2021 đến nay đã thực hiện tự kiểm tra 194 văn bản QPPL do UBND tỉnh ban hành[6]; kết quả kiểm tra cho thấy văn bản được ban hành đúng thẩm quyền, phù hợp quy định pháp luật, đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh đã chỉ đạo kiểm tra, lập danh mục văn bản QPPL do tỉnh ban hành theo yêu cầu của các Bộ, ngành Trung ương (tự kiểm tra theo lĩnh vực) đảm bảo kịp thời, đáp ứng yêu cầu về nội dung.

- Hoạt động kiểm tra theo thẩm quyền đối với văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp huyện ban hành tại các địa phương, giai đoạn 2021 - 2025 tiến hành kiểm tra 2.304 văn bản các loại[7] (bao gồm cả văn bản hành chính thuộc đối tượng kiểm tra). Thông qua hoạt động kiểm tra đã chấn chỉnh kịp thời một số tồn tại hạn chế trong hoạt động xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL ở cấp huyện.

- Hoạt động kiểm tra theo ngành, lĩnh vực, đã thực hiện kiểm tra công tác xây dựng văn bản QPPL lĩnh vực tài nguyên và môi trường (28 văn bản; kiến nghị xử lý 04 văn bản) và lĩnh vực xây dựng (20 văn bản; kiến nghị xử lý 02 văn bản); thực hiện kiểm tra 02 Sở là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Khoa học và Công nghệ), qua kiểm tra cho thấy các cơ quan đã thay đổi căn bản nhận thức về vai trò quan trọng của văn bản QPPL.

b) Rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL

- Giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện rà soát văn bản QPPL thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh với 574 văn bản; UBND tỉnh ban hành Quyết định triển khai thực hiện hệ thống hóa văn bản QPPL kỳ 2019 - 2023 tại tỉnh Thái Nguyên; đã kiến nghị xử lý 44 văn bản có nội dung không còn phù hợp. Cùng với hoạt động rà soát thường xuyên, UBND tỉnh chỉ đạo rà soát theo chuyên đề như: Rà soát, khắc phục bất cập trong cơ chế chính sách, pháp luật để phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; rà soát việc áp dụng, thực hiện các quy định pháp luật[8]. Hằng năm, UBND tỉnh ban hành các Quyết định công bố danh mục văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành hết hiệu lực toàn bộ, một phần. Ngày 29/02/2024,

---

[6] Thực hiện tự kiểm tra: Năm 2021 tự kiểm tra 51 văn bản QPPL; năm 2022 tự kiểm tra 34 văn bản QPPL; năm 2023 tự kiểm tra 35 văn bản QPPL; năm 2024 tự kiểm tra 75 văn bản QPPL.

[7] Năm 2021, thu thập, kiểm tra 473 văn bản tại các huyện Phú Bình, Phú Lương, Võ Nhai; năm 2022, thu thập, kiểm tra 899 văn bản tại các huyện Định Hóa, Đại Từ và thành phố Thái Nguyên; năm 2023, thu thập, kiểm tra 899 văn bản tại huyện Đồng Hỷ, thành phố Sông Công, thành phố Thái Nguyên; năm 2024, thu thập, kiểm tra 449 văn bản tại các huyện Phú Bình, Phú Lương, Võ Nhai.

[8] Năm 2022 đã kiến nghị các Bộ, ngành nghiên cứu, xem xét 30 nội dung (16 nội dung quy định tại Luật; 10 nội dung quy định tại Nghị định; 01 nội dung quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 03 nội dung quy định tại Thông tư) còn vướng mắc, bất cập, khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện. Kiến nghị 04 văn bản của tỉnh ban hành có nội dung không còn phù hợp, vướng mắc trong thực hiện; đồng thời kiến nghị xem xét 13 nội dung quy định tại 03 Luật, 04 Nghị định, 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 02 Thông tư.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 403/QĐ-UBND công bố kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh Thái Nguyên trong kỳ 2019 - 2023.

- Thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các văn bản chỉ đạo hướng dẫn của Trung ương, hoạt động rà soát văn bản QPPL được triển khai tích cực, hiệu quả, kịp thời: Thực hiện rà soát, lập danh mục văn bản theo chuyên đề của Bộ Tư pháp; kết quả rà soát và đề xuất phương án xử lý các văn bản QPPL theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 với 144 văn bản; rà soát văn bản QPPL chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước với 189 văn bản (trong đó 27 Nghị quyết, 162 Quyết định).

1.3. Công tác theo dõi thi hành pháp luật

- Hàng năm UBND tỉnh ban hành các Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Trên cơ sở kế hoạch của UBND tỉnh, 100% Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã đều ban hành kế hoạch triển khai thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, qua đó công tác theo dõi thi hành pháp luật được triển khai đồng bộ và thống nhất trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2025. UBND tỉnh đã ban hành Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh; giao Sở Tư pháp tham mưu tổng kết 08 năm thi hành Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và Kế hoạch tổng kết 08 năm thi hành Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Kịp thời triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 24/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật" giai đoạn năm 2018 - 2022; tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

- Về kiểm tra tình hình thi hành pháp luật, hằng năm UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch và thành lập Đoàn kiểm tra, trong giai đoạn 2021 - 2025, đã thực hiện 12 cuộc kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về các lĩnh vực: Xử lý vi phạm hành chính, theo dõi thi hành pháp luật về điều hành giá các mặt hàng, dịch vụ thiết yếu; lao động, việc làm; đấu giá tài sản; trợ giúp pháp lý; chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, doanh nghiệp trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19; lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; lĩnh vực an toàn thực phẩm; quản lý thuế.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

2.1. Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

- Hằng năm, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC trên địa bàn tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố chủ động xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện rà soát, đánh giá TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý theo ngành, lĩnh vực, đồng thời chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh; triển khai thực hiện cắt giảm quy định kinh

doanh, phân cấp giải quyết TTHC, cải cách TTHC nhằm cải thiện môi trường kinh doanh; rà soát TTHC được phân cấp, ủy quyền; thực hiện phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Thái Nguyên... Bên cạnh đó, hằng năm, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC trên địa bàn tỉnh và thực hiện rà soát đối với các TTHC thuộc thẩm quyền ban hành của tỉnh. Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền ban hành của tỉnh là 11 thủ tục, trong đó, năm 2023 đã thực hiện rà soát và bãi bỏ 01 TTHC, năm 2025 các sở, ngành thuộc tỉnh tiếp tục rà soát, đề xuất bãi bỏ 07 TTHC (02 TTHC thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nội vụ và 05 TTHC thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Xây dựng).

- UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành đã thực hiện rà soát TTHC để trình UBND tỉnh công bố, công khai và cập nhật kịp thời theo quy định. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 công bố TTHC nội bộ với 41 TTHC nội bộ thuộc 13 lĩnh vực; đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ tỉnh Thái Nguyên tại Quyết định số 2975/QĐ-UBND ngày 28/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh với 38/41 TTHC, đạt 92,7% (vượt 2,7% so với chỉ tiêu đề ra là 90% TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời).

- Việc công bố, công khai TTHC/Danh mục TTHC trên địa bàn tỉnh được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Trong thời gian từ năm 2021 đến ngày 20/5/2025, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 331 quyết định công bố TTHC/danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của các sở, ban, ngành của tỉnh với 10.236 TTHC/Danh mục TTHC (công bố mới 5.223 TTHC; bãi bỏ, thay thế 5.031 TTHC). Các TTHC sau khi công bố đều được cập nhật, tích hợp, công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia và được các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức niêm yết đầy đủ tại Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả TTHC của cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC, công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin điện tử của đơn vị. Đến thời điểm ngày 30/5/2025, tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh là 1.935 TTHC[9].

- Từ năm 2021 đến nay tỉnh Thái Nguyên đã tổ chức tiếp nhận và trả lời phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức và đăng tải công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đúng quy định 277 phản ánh, kiến nghị (trong đó 135 phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính, 142 phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính).

2.2. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

- UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa

---

[9]Số TTHC thực hiện tại cấp tỉnh là 1.486 TTHC, số TTHC thực hiện tại cấp huyện là 323 TTHC, số TTHC thực hiện tại cấp xã là 126 TTHC, trong đó: Số TTHC do Trung ương quy định là 2.022 TTHC; số TTHC do tỉnh ban hành là 10 TTHC. Số TTHC liên thông cùng cấp là 73 thủ tục, số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền là 59 thủ tục.

liên thông trong giải quyết TTHC tại 3 cấp (Cấp tỉnh tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, cấp huyện và cấp xã); triển khai Đề án đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, đồng thời đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Tập trung đầu tư phòng làm việc, trang thiết bị, ứng dụng phần mềm một cửa điện tử kết nối Cổng dịch vụ công (DVC) của tỉnh với Cổng DVC quốc gia. Thực hiện kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia dân cư, cơ sở dữ liệu chuyên ngành (đất đai, tư pháp...). Bên cạnh đó, tỉnh Thái Nguyên thực hiện chuyển giao cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận phần công việc như: hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC, có 01 đơn vị cấp huyện thực hiện chuyển Bộ phận một cửa sang trụ sở của Bưu điện huyện (huyện Võ Nhai); triển khai thanh toán phí, lệ phí TTHC qua QR-Code tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh, Bộ phận một cửa các cấp. UBND tỉnh đang chỉ đạo một số sở, ban, ngành thực hiện thí điểm giao doanh nghiệp bưu chính công ích tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh.

- Các đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; 100% bộ phận một cửa cấp huyện (9 huyện, thành phố), cấp xã (172 xã, phường, thị trấn) được đầu tư phòng làm việc, trang thiết bị hiện đại, ứng dụng phần mềm một cửa điện tử kết nối Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, Cổng dịch vụ công Quốc gia; 100% hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc cơ quan liên quan thông qua phương thức điện tử. Từ năm 2021 đến 20/5/2025, tổng số hồ sơ tiếp nhận là 3.641.615 hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt 99,72%[10].

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia của tỉnh Thái Nguyên, kết quả (đến ngày 20/5/2025): Điểm tổng hợp đạt 87,9/100 điểm; xếp thứ 01/63 tỉnh, thành phố trên bảng xếp hạng. Trên cơ sở kết quả định kỳ hằng tháng trên Công dịch vụ công Quốc gia, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo, yêu cầu đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai các giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế, thường xuyên rà soát, đánh giá TTHC và đề xuất, kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, góp phần giảm chi phí thực hiện TTHC cho người dân, doanh

---

[10] Năm 2021, tiếp nhận là 968.107 hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt 99,68%; năm 2022, tiếp nhận là 946.181 hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt 99,88%; năm 2023, tiếp nhận 711.383 hồ sơ, tỷ lệ giải quyết đúng hạn đạt 99,78; năm 2024 tiếp nhận 686.036 hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt 99,78%. Từ đầu năm 2025 đến ngày 30/5/2025 tiếp nhận 329.908 hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt 99,46%.

nghiệp. Đồng thời tập trung rà soát toàn bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đã được công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời, đúng quy định; thường xuyên rà soát để kiến nghị với các bộ, ngành Trung ương sửa đổi, tái cấu trúc quy trình TTHC để thực hiện Dịch vụ công trực tuyến.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1. Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị

- Thực hiện Kết luận số 121-KL/TW, ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 1668-KL/TU ngày 14/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về chủ trương đối với các Đề án thành lập, hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, tỉnh Thái Nguyên triển khai thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của địa phương kịp thời từ tỉnh đến cơ sở.

- Ngày 19/02/2025, HĐND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Nghị quyết số 06/NQ-HĐND thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, theo đó, thành lập, tổ chức lại 07 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Thái Nguyên[(11)]. Đến nay, bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Thái Nguyên đã tinh gọn theo hướng hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, liên thông trong quản lý nhà nước. Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập giảm được 6 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Thái Nguyên sau khi thành lập, tổ chức lại gồm 13 cơ quan, tương ứng giảm 32%; giảm 41 đầu mối cấp phòng thuộc các sở, ngành, tương ứng giảm 17,6%; giảm 01/7 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, tương ứng giảm 14,3%; giảm 29 cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, tương ứng giảm 25%, đồng thời, kịp thời ban hành các Quyết định tổ chức lại cơ cấu tổ chức và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các sở, ban, ngành thuộc tỉnh Thái Nguyên.

- Giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên đã giảm 31 đơn vị so với năm 2021, hiện nay tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh là 766 đơn vị, trong đó bao gồm: 06 đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh; 102 đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ngành và 658 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện.

[(11)] (1) thành lập Sở Dân tộc và Tôn giáo trên cơ sở Ban Dân tộc tiếp nhận thêm chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về tôn giáo từ Sở Nội vụ; (2) thành lập Sở Tài chính tỉnh trên cơ sở hợp nhất Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh và Sở Tài chính; (3) thành lập Sở Xây dựng trên cơ sở hợp nhất Sở Giao thông vận tải và Sở Xây dựng; (4) thành lập Sở Khoa học và Công nghệ trên cơ sở hợp nhất Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Khoa học và Công nghệ; (5) thành lập Sở Nông nghiệp và Môi trường trên cơ sở hợp nhất Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Sở Tài nguyên và Môi trường; (6) thành lập Sở Nội vụ trên cơ sở hợp nhất Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Nội vụ; (7) sáp nhập Sở Ngoại vụ vào Văn phòng UBND tỉnh Thái Nguyên.

3.2. Về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

a) Đối với việc sắp xếp đơn vị hành chính các cấp từ năm 2021 - 2024

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã nhằm giảm số lượng đơn vị hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, năm 2022 xây dựng Đề án sắp xếp 03 đơn vị hành chính cấp xã gồm: Xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, xã Quân Chu và thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ và đã được UBTVQH ban hành Nghị quyết số 729/NQ-UBTVQH15 ngày 13/02/2023 về việc thành lập thị trấn Hóa Thượng thuộc huyện Đồng Hỷ và nhập xã Quân Chu vào thị trấn Quân Chu thuộc huyện Đại Từ; kể từ ngày 10/4/2023, toàn bộ xã Quân Chu nhập vào thị trấn Quân Chu (huyện Đại Từ) và thị trấn Hóa Thượng được thành lập, trở thành trung tâm huyện lỵ mới của huyện Đồng Hỷ. Tỉnh Thái Nguyên có 09 đơn vị hành chính cấp huyện (bao gồm: 03 thành phố và 06 huyện) và 177 đơn vị hành chính cấp xã (bao gồm 10 thị trấn, 41 phường và 126 xã).

- Thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025, tỉnh Thái Nguyên đã tổ chức thực hiện sắp xếp 12 đơn vị, sau khi sắp xếp giảm 05 đơn vị hành chính cấp xã (hiện nay tỉnh Thái Nguyên còn 172 xã, phường, thị trấn).

b) Thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và nhập tỉnh năm 2025

- Thực hiện Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025 và Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, Kết luận số 178-KL/TW ngày 07/3/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương công tác cán bộ, Kết luận 137-KL/TW ngày 28/3/2025 về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương cấp 2 và Kế hoạch số 234-KH/TU ngày 10/3/2025 của Tỉnh uỷ, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan Trung ương về tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tạo chuyển biến về nhận thức, hành động, sự quyết tâm, thống nhất của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, đồng thời phối hợp với UBND tỉnh Bắc Kạn triển khai thực hiện; giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa

phương tổ chức xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, Đề án sắp xếp, nhập tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên. Tổ chức tuyên truyền, định hướng dư luận xã hội, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện sắp xếp, sáp nhập; đồng thời, tổ chức lấy ý kiến Nhân dân trên địa bàn tỉnh; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức bị tác động, ảnh hưởng do sắp xếp đơn vị hành chính. Kết quả giảm từ 172 xã, phường, thị trấn còn 55 xã, phường, đạt tỷ lệ giảm 68,02%, số đơn vị hành chính giảm là 117 ĐVHC cấp xã. Thái Nguyên cũng là một trong những tỉnh đầu tiên trình Đề án sắp xếp, nhập tỉnh để Bộ Nội vụ thẩm định và đã được Chính phủ trình Uỷ ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

3.3. Thực hiện tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức, viên chức

- Từ năm 2021 đến nay, tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện chế độ, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động do thực hiện sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế theo Nghị quyết Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh đối với 1.288 trường hợp; thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 108/2014/NĐ-CP về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 143/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 108/2014/NĐ-CP về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế đối với 205 trường hợp; thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ về tinh giản biên chế, tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện tinh giản biên chế đối với 56 trường hợp.

- Thực hiện Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ Quy định chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng; Nghị định số 178/2024/NĐ-CP về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, đến ngày 01/4/2025, tỉnh Thái Nguyên đã ban hành quyết định nghỉ hưu trước tuổi để hưởng chính sách, chế độ đối với 184 trường hợp.

3.4. Kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương

- Thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, rà soát tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành các quy định, đẩy mạnh thực hiện phân cấp[12]. Do đó, các quy định phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước đã

---

[12] Công văn số 610/UBND-NC ngày 22/02/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc tham mưu thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; Công văn số 512/SNVTCBC&TCPCP ngày 24/3/2022 của Sở Nội vụ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước.

được tỉnh Thái Nguyên triển khai thực hiện tương đối thống nhất và có hiệu quả, phát huy tính năng động, sáng tạo của các cấp chính quyền địa phương, đáp ứng yêu cầu cải cách nền hành chính nhà nước, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước, việc phân cấp, phân quyền giữa trung ương và địa phương trên từng ngành, lĩnh vực được hoàn thiện một cách đồng bộ, bảo đảm hiệu lực quản lý thống nhất, xuyên suốt của trung ương đối với địa phương và khuyến khích tính sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của các địa phương.

- Từ năm 2021 - 2025, nhiều nội dung phân cấp quản lý đã được thể chế hóa bằng các văn bản quy phạm pháp luật và các quyết định của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh, cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện để thực hiện phân cấp, phân quyền theo ngành, lĩnh vực như: Quản lý ngân sách nhà nước, quản lý đầu tư, quản lý công vụ, cán bộ, công chức viên chức và quản lý đất đai, xây dựng, nông nghiệp…

- Để tổ chức triển khai thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh phân quyền phân cấp kịp thời, nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện (Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 09/4/2025). Nhằm tiếp tục đẩy mạnh và hoàn thiện cơ chế phân quyền, phân cấp theo chỉ đạo của Trung ương về thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh giao Sở Nội vụ tham mưu ban hành văn bản chỉ đạo đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, đồng thời yêu cầu các đơn vị, địa phương nghiên cứu, tham mưu, đề xuất trình HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh kịp thời thẩm quyền theo yêu cầu đẩy mạnh phân quyền, phân cấp, đồng bộ với việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tạo hành lang pháp lý, kịp thời xử lý những vấn đề thực tiễn, tháo gỡ điểm nghẽn về thể chế, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức

- Việc tuyển dụng công chức, viên chức được UBND tỉnh phân cấp cho Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện và phân cấp cho các Trường Trung học phổ thông thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, các bệnh viện từ hạng II trở lên thuộc Sở Y tế. Qua đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chủ động trong công tác tuyển dụng, đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Từ năm 2021 đến tháng 3/2025, tuyển dụng 177 công chức vào làm tại các cơ quan hành chính nhà nước; tuyển dụng và tiếp nhận 3.598 viên chức vào làm tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức, trong 5 năm (từ năm 2021 - 2025), tỉnh Thái Nguyên đã tổ chức thực hiện đúng các quy định pháp luật về việc bổ nhiệm mới, điều động và bổ nhiệm; bổ nhiệm lại, giao phụ trách,

giao điều hành, bổ nhiệm khi chuyển đổi chức danh do sắp xếp lại tổ chức cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh quản lý; bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và tương đương; bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện.

4.2. Thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

- Việc tổ chức thi hoặc xét nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức đảm bảo chỉ tiêu nâng ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức của từng cơ quan, đơn vị. UBND tỉnh đã quyết định bổ nhiệm và xếp lương ngạch chuyên viên cao cấp cho 10 cán bộ, công chức đạt kết quả tham dự kỳ thi nâng ngạch do Bộ Nội vụ tổ chức. Tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên ngạch chuyên viên chính năm 2023 bảo đảm công khai, chất lượng, hiệu quả theo đúng quy định (Kết quả 146/202 công chức, viên chức trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch, thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên chuyên viên chính).

- Tổ chức xét thăng hạng, bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức đối với 826 viên chức (trong đó 424 viên chức chuyên ngành kế toán, hành chính, văn thư; 210 viên chức chuyên ngành văn hóa, thông tin và truyền thông, công tác xã hội và quản học viên; 189 viên chức chuyên ngành y tế; 03 viên chức chuyên ngành lưu trữ).

- Quyết định chuyển ngạch, chuyển chức danh nghề nghiệp đối với 161 trường hợp; triển khai xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III các chuyên ngành: văn hóa, thông tin và truyền thông, công tác xã hội và quản học viên; xét thăng hạng từ lưu trữ viên lên lưu trữ viên chính. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp hạng III các chuyên ngành văn hóa, thông tin và truyền thông, công tác xã hội và quản học viên đối với 210 viên chức. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông hạng III lên hạng II với trên 5.000 hồ sơ dự xét.

4.3. Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được quan tâm triển khai thực hiện; Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 09/02/2021về kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025. Các cơ quan, đơn vị thường xuyên rà soát, đánh giá thực trạng, xác định nhu cầu, từ đó xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm đảm bảo phù hợp với nhu cầu và quy hoạch phát triển nguồn nhân lực. Hằng năm UBND tỉnh ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; giao Sở Nội vụ chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức,

viên chức. Nội dung các chương trình đào tạo, bồi dưỡng tập trung vào bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bồi dưỡng theo vị trí việc làm, chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, kiến thức về hội nhập quốc tế, chuyển đổi số, kiến thức dân tộc, chương trình đào tạo đạt chuẩn trình độ theo quy định, chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, chương trình giáo dục phổ thông...

- Nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cơ bản bám sát vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức vụ, chức danh; gắn nội dung tuyên truyền, phổ biến pháp luật vào nội dung của chương trình bồi dưỡng. Hình thức tổ chức bồi dưỡng thực hiện theo hướng phân công cho các sở, ban, ngành chủ trì tổ chức các lớp bồi dưỡng theo vị trí việc làm, chuyên môn nghiệp vụ; triển khai việc biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và tổ chức thẩm định, phê duyệt chương trình tài liệu bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định. Phương pháp dạy và học đã có nhiều đổi mới theo hướng lấy người học làm trung tâm, tập trung các vấn đề trong thực tiễn ở cơ sở. Từ năm 2021 đến nay đã phê duyệt 13 chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ; các sở, ban, ngành đã phối hợp tổ chức 317 lớp bồi dưỡng theo vị trí việc làm, chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức quản lý nhà nước đối với 32.037 lượt cán bộ, công chức, viên chức. Các cơ quan, đơn vị thường xuyên thực hiện cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các chương trình bồi dưỡng, tập huấn do các bộ, ngành ở Trung ương tổ chức. Qua đó góp phần nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

- Việc bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác hỗ trợ, giải quyết TTHC được tăng cường, hằng năm, Sở Nội vụ rà soát, xây dựng kế hoạch, mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ CCHC, cải cách TTHC và các quy trình tiếp nhận và giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp; tập huấn công tác chuyển đổi số, tạo tài khoản cho cá nhân, hướng dẫn người dân khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến; tra cứu thông tin trên Hệ thống dịch vụ công phục vụ giải quyết TTHC; công tác đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC, công tác lập báo cáo... Từ năm 2021 đến nay đã thực hiện 16 lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về CCHC cho 1.920 cán bộ, công chức tham mưu thực hiện CCHC tại các đơn vị, địa phương; tổ chức 19 lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức làm công tác hỗ trợ, giải quyết TTHC cho 2.440 cán bộ, công chức, viên chức toàn tỉnh, qua đó, giúp cho đội ngũ cán bộ, công chức có đầy đủ các kỹ năng, nghiệp vụ trực tiếp hỗ trợ, giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp, nâng cao chất lượng phục vụ, tạo sự hài lòng cho người dân và doanh nghiệp.

4.4. Nâng cao văn hoá công vụ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính

a) Ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện

- UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước; tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc[13]: Công văn số 2519/UBND-NC ngày 30/5/2023 của UBND tỉnh về việc chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc của các cơ quan, đơn vị; Công văn số 5516/UBND-TTPVHCC ngày 31/10/2023 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp; Công văn số 6397/UBND-NC ngày 13/12/2023 về việc thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 20/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 08/3/2024 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Đề án Văn hoá công vụ tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2024 - 2025; Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 06/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động công vụ và tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2025.

b) Thực hiện kiểm tra CCHC, kiểm tra công vụ

Hằng năm, UBND tỉnh ban hành kế hoạch kiểm tra và thành lập Đoàn kiểm tra công vụ và tổ chức triển khai thực hiện. Sở Nội vụ đã công khai số điện thoại đường dây nóng của Giám đốc Sở, Phó Giám đốc Sở phụ trách lĩnh vực để tiếp nhận phản ánh thi hành công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt, tăng cường tổ chức kiểm tra đột xuất, thành lập Tổ kiểm tra đột xuất nhằm chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, trong đó tập trung kiểm tra việc giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân, kiểm tra việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức và đảm bảo việc kiểm tra chính xác, khách quan, không ảnh hưởng đến hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị, địa phương là đối tượng kiểm tra. Việc kiểm tra tuân thủ đúng quy định pháp luật, có trọng tâm, trọng điểm gắn với nhiệm vụ, thẩm quyền được giao. Kết quả, từ năm 2021 đến ngày 30/5/2025, Đoàn kiểm tra của tỉnh đã tổ chức kiểm tra trực tiếp, kiểm tra đột xuất tại 305 cơ quan, đơn vị, địa phương[14].

---

[13]Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp; Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 20/10/2023 về việc chấn chỉnh, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ.

[14]Năm 2021 kiểm tra 26 đơn vị (6 sở, ngành; 6 huyện, thành phố; 14 đơn vị cấp xã); năm 2022 kiểm tra 31 đơn vị (8 sở, ngành; 6 huyện, thành phố; 10 đơn vị cấp xã; kiểm tra đột xuất 7 đơn vị); năm 2023 kiểm tra 76 đơn vị (8 sở, ngành; 7 huyện, thành phố; 16 đơn vị cấp xã; kiểm tra đột xuất 43 đơn vị); năm 2024 kiểm tra 132 đơn vị (17 sở, ngành, 21 đơn vị SNCL; 9 huyện, thành phố và 85 phòng chuyên môn và Bộ phận một cửa cấp xã); từ đầu năm 2025 đến ngày 30/5/2025 kiểm tra 40 đơn vị (01 đơn vị SNCL, 39 đơn vị cấp xã).

Trong thời điểm xây dựng Đề án và chuẩn bị sắp xếp đơn vị hành chính, thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, tỉnh Thái Nguyên tiếp tục tăng cường kiểm tra công vụ, qua kiểm tra cho thấy, cán bộ, công chức làm việc nghiêm túc, trách nhiệm, không bị ảnh hưởng tác động, tận tâm, tận tuỵ, miệt mài, công việc không bị gián đoạn, chậm trễ.

Nhìn chung, qua công tác kiểm tra cho thấy, các đơn vị, địa phương đã quan tâm thực hiện CCHC, việc thi hành công vụ, nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được đảm bảo quy định, chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao. Các đơn vị, địa phương đã ban hành nội quy, quy chế làm việc; chấp hành đúng các quy định về thời gian làm việc, thực hiện tiếp công dân đúng quy định; bố trí Bộ phận một cửa tiếp nhận và giải quyết hồ sơ, công khai, minh bạch TTHC, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Có thể nói đa số đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có tinh thần, thái độ phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp nhiệt tình, cởi mở, tận tâm, tận tụy; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực công tác đáp ứng yêu cầu công việc và đảm bảo các quy định pháp luật. Việc thi hành công vụ, giải quyết hồ sơ công việc phục vụ người dân, tổ chức cơ bản đảm bảo các quy định pháp luật, thời hạn giải quyết, đa số người dân, tổ chức hài lòng về sự phục vụ hành chính. Bên cạnh đó, kịp thời xử lý, giải quyết dứt điểm một số tồn tại, hạn chế, phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân trong thi hành công vụ; rà soát, phát hiện, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý nghiêm hoặc thay thế, điều chuyển sang công việc; làm việc cầm chừng, sợ trách nhiệm, không đáp ứng yêu cầu công việc; vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính; gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu đối với tổ chức, cá nhân[(15)]; qua đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao mức độ hài lòng về sự phục vụ hành chính của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Công tác ban hành các văn bản triển khai thực hiện

Để triển khai thực hiện cải cách tài chính công, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản QPPL quy định liên quan đến tài chính công, góp phần đảm bảo việc triển khai thực hiện pháp luật về tài chính, ngân sách như: Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 27/6/2024 Quy định miễn thu một số khoản lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 27/6/2024 Quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở... UBND tỉnh ban hành

---

[(15)]Đoàn kiểm tra kiến nghị xử lý kỷ luật đối 06 cán bộ, công chức; kiến nghị thực hiện chuyển đổi 03 vị trí việc làm, chuyển vị trí công tác đối với 13 công chức cấp xã; nhắc nhở lãnh đạo, công chức, viên chức đối với 85 Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và Bộ phận một cửa đối với UBND các xã, phường, thị trấn, và 17 sở, ban, ngành.

các quy định về lập dự toán, quyết toán, các định mức... đảm bảo triển khai thực hiện đúng các quy định của pháp luật như: Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 về bãi bỏ Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định về việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản QPPL của HĐND và UBND các cấp trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 về việc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 242/KH-UBND ngày 17/12/2024 thực hiện Phương án số 01-PA/TU ngày 11/12/2024 của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh về sắp xếp, tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Thái Nguyên, trong đó, giao Sở Tài chính thực hiện việc sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản công, đồng thời hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài sản, tài chính, ngân sách nhà nước trong quá trình sắp xếp, tổ chức bộ máy...

5.2. Thực hiện giải ngân vốn đầu tư công

Trong giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Thái Nguyên đã nỗ lực, tích cực triển khai thực hiện giải ngân vốn đầu tư công nhằm thúc đẩy kinh tế địa phương, xây dựng hạ tầng kết nối vùng, tạo động lực cho phát triển bền vững của tỉnh; tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công do Chính phủ giao đạt tỷ lệ cao[16]. Việc đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công cùng với việc khởi công, khánh thành hàng loạt công trình trọng điểm không chỉ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương, mà còn tạo động lực quan trọng để Thái Nguyên hoàn thành các chỉ tiêu phát triển trong năm 2025 và những năm tiếp theo. Những kết quả trong công tác đầu tư công và triển khai dự án trọng điểm là minh chứng rõ ràng cho nỗ lực chuyển hóa quyết sách thành hành động cụ thể, kịp thời, hiệu quả vì mục tiêu phát triển bền vững và nâng cao đời sống Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

5.3. Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí trong quản lý hành chính

- Cơ quan cấp tỉnh: Số lượng sở, ban, ngành cấp tỉnh (bao gồm 16 sở, ngành và tương đương, 11 Chi cục và tương đương): 27 đơn vị; số đơn vị được giao thực hiện tự chủ: 27 đơn vị; 100% đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công.

---

[16] Năm 2021 thực hiện giải ngân 3.606.875/7.062.411, đạt 195,80%; năm 2022 thực hiện giải ngân 5.992.583/8.533.635 triệu đồng, đạt 142,40%; năm 2023 thực hiện giải ngân 7.863.264/8.979.437 triệu đồng, đạt 114,19%; năm 2024 thực hiện giải ngân 5.612.041/6.250.938 triệu đồng, đạt 111,38%; 4 tháng năm 2025 thực hiện giải ngân 55.584.075/2.144.864 triệu đồng, đạt 38,41%.

- Cơ quan cấp huyện: Số lượng cơ quan chuyên môn cấp huyện: 96 đơn vị; số đơn vị được giao thực hiện tự chủ: 96 đơn vị; 100% đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công.

5.4. Về kết quả thực hiện giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị sự nghiệp công lập:

Thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Thông tư số: 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, UBND tỉnh giao Sở Tài chính thực hiện công tác xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng quy định. Hiện nay tỉnh Thái Nguyên thực hiện giao quyền tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, tổng số đơn vị sự nghiệp công lập là 766, trong đó: 01 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; 52 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên; 146 đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: 567 đơn vị nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên.

5.5. Thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công

- Các đơn vị, địa phương đã thực hiện đúng quy định đối với công tác quản lý tài sản công như: thanh lý, nhượng bán, điều chuyển... Thực hiện các quy định của Chính phủ về sắp xếp, xử lý nhà, đất, UBND tỉnh Thái Nguyên đã chỉ đạo trong công tác quản lý tài sản công, định kỳ hằng năm ban hành Kế hoạch kiểm tra chuyên đề công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương, thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất... Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản nhà đất của các cơ quan, đơn vị, đến nay tỷ lệ đạt 86% so tổng số cơ sở phải sắp xếp, cụ thể, đến nay tỉnh Thái Nguyên có 1.421/1.654 cơ sở nhà, đất đã thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý. 100% cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đã xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài sản công.

- Triển khai chỉ đạo của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, nhập tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên, UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương rà soát, báo cáo, đề xuất phương án sử dụng hiệu quả trụ sở sau sắp xếp. Sau sắp xếp, toàn tỉnh có 139 trụ sở dôi dư sau sắp xếp ĐVHC cấp xã, các ĐVHC đi vào hoạt động, căn cứ số lượng biên chế hiện có và tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích trụ sở làm việc, sẽ tiếp tục rà soát từng trường hợp cụ thể. Đối với các trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp dôi dư sau khi đã bố trí, sắp xếp theo các hình thức xử lý tài sản theo quy định, trong đó, ưu tiên chuyển đổi công năng để làm cơ sở y tế, giáo dục, sử dụng cho các mục đích công cộng khác của địa phương; thu hồi để giao tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà của địa phương quản lý, khai thác (quản lý để phục vụ mục tiêu lâu dài của Nhà nước); giao tổ chức phát triển quỹ đất của địa phương quản lý, phát triển và khai thác không để xảy ra thất thoát,

lãng phí, bảo đảm trong vòng 05 năm kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực thi hành, UBND tỉnh Thái Nguyên cam kết hoàn thành việc sắp xếp, xử lý trụ sở theo đúng quy định.

5.6. Thực hiện sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước

- Đối với các doanh nghiệp nhà nước:

+ Thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, ngày 27/7/2023 UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 145/KH-UBND triển khai thực hiện sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước do UBND tỉnh Thái Nguyên làm đại diện chủ sở hữu giai đoạn 2022 - 2025, theo đó, thực hiện cổ phần hóa 01 doanh nghiệp nhà nước: Công ty TNHH một thành viên Thoát nước và Phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện có phát sinh vướng mắc, do đó, ngày 17/5/2024, UBND tỉnh Thái Nguyên đã có Văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xin lùi thời gian thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Thoát nước và Phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên, sau khi hoàn thành 02 dự án sử dụng vốn vay ODA, đến nay chưa có văn bản chỉ đạo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Thủ tướng Chính phủ.

+ Đối với Công ty TNHH Nhà nước MTV Lâm nghiệp Đại Từ: Thực hiện Văn bản số 210/TTg-ĐMDN ngày 03/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh triển khai thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH Nhà nước MTV Lâm nghiệp Đại Từ từ năm 2016. Tuy nhiên việc triển khai thực hiện cổ phần hóa Công ty chưa thực hiện được do vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Kết luận số 82-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị. Thực hiện Thông báo kết luận số 215/TB-VPCP ngày 12/5/2024 của Văn phòng Chính phủ và chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 2412/UBND-KT ngày 16/5/2024, năm 2024 Công ty đã xây dựng phương án giải thể. Ngày 12/01/2025, UBND tỉnh đã có Phương án số 225/PA-UBND về Điều chỉnh sắp xếp, đổi mới Công ty TNHH Nhà nước MTV Lâm nghiệp Đại Từ trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định để UBND tỉnh hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đến nay chưa có kết quả thẩm định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Đối với các doanh nghiệp có vốn nhà nước:

+ Thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 27/7/2023 UBND tỉnh, tỉnh Thái Nguyên đang trong quá trình thực hiện thoái vốn nhà nước tại 04 doanh nghiệp có vốn nhà nước, trong đó: Năm 2022, đã hoàn thành thoái xong toàn bộ vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng giao thông Thái Nguyên, thoái vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Thái Nguyên (giảm tỷ lệ Nhà nước nắm giữ từ 37,47% vốn điều lệ xuống còn 11% vốn điều lệ). Giai đoạn

năm 2023 - 2025 tiếp tục triển khai thực hiện. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện do vướng mắc Luật Đất đai năm 2024 và các Nghị định hướng dẫn thi hành, UBND tỉnh đã có Văn bản số 6080/UBND-KT ngày 23/10/2024 về việc báo cáo xin lùi thời gian thực hiện thoái vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, đối với doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ thuộc UBND tỉnh Thái Nguyên quản lý. Đến nay chưa có văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính.

+ Giữ nguyên phần vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025: Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên (Tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ đến năm 2025: 42,27%).

5.7. Thực hiện sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập

Việc thực hiện chuyển đổi 04 đơn vị SNCL thành công ty cổ phần, trong đó có 02 đơn vị SNCL thuộc Sở Xây dựng (Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng và Viện Quy hoạch) và 02 đơn vị SNCL thuộc Sở Giao thông Vận tải (Trung tâm Kiểm định chất lượng và Tư vấn xây dựng giao thông và Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới) (nay là Sở Xây dựng) đã được UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện từ năm 2018. Năm 2019, Văn phòng Chính phủ ban hành Văn bản chỉ đạo tạm thời dừng việc thực hiện chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, chờ Chính phủ ban hành Nghị định về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

6.1. Về công tác triển khai xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số ở địa phương

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 31/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, UBND tỉnh đã ban hành và triển khai thực hiện: Kế hoạch chuyển đổi số hằng năm, giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ thuộc Đề án Phát triển dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn năm 2030 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch Phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng; Kế hoạch Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025; triển khai Đề án xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số; Kế hoạch Đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ và kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức đến năm 2025; ban hành Chỉ thị về đẩy mạnh các hoạt động kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý; ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh. Theo đó, UBND tỉnh Thái Nguyên tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật, phát triển dữ liệu, phát triển ứng dụng, cung cấp dịch vụ công trực tuyến…. phục vụ người dân, doanh nghiệp.

6.2. Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng, dữ liệu xây dựng chính quyền số

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối 04 cấp hành chính tiếp tục được phát triển, tạo hạ tầng truyền dẫn ổn định, an toàn; kết nối thông suốt đến 100% đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên toàn tỉnh; phục vụ an toàn, kịp thời các phiên họp trực tuyến, góp phần nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Hoàn thành triển khai hạ tầng kết nối, giám sát mạng truyền số liệu chuyên dùng đối với 36 kênh cấp tỉnh, huyện và 172/172 kênh cấp xã.

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) tiếp tục được phát triển và khai thác hiệu quả để phục vụ nhu cầu ngày càng cao của việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước. Tổng số giao dịch thực hiện thông qua LGSP lũy kế đến nay đạt hơn 6,3 triệu giao dịch.

6.3. Các ứng dụng trong nội bộ cơ quan nhà nước

- Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thái Nguyên vận hành ổn định phục vụ hoạt động điều hành của cơ quan hành chính nhà nước, Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành vận hành ổn định, trao đổi văn bản điện tử giữa 1.968 đơn vị.

- Chứng thư chữ ký số chuyên dùng Chính phủ: Đến nay, tỉnh Thái Nguyên đã được Ban Cơ yếu Chính phủ cấp 12.621 Chữ ký số chuyên dùng công vụ (Trong đó: 1.042 chữ ký số cấp cho tổ chức, 11.579 chữ ký số cấp cho cá nhân).

6.4. Kết quả triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

- Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án 06 đảm bảo đúng quy định. UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương thực hiện tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu dân cư giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết TTHC các cấp phục vụ xác thực, chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện TTHC theo nguyên tắc không yêu cầu khai báo lại các thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; triển khai cung cấp các dịch vụ công thiết yếu bảo đảm thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC sử dụng xác thực, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã được kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tích hợp giải pháp kết nối xác thực thông qua nền tảng định danh điện tử VNeID tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện giải quyết TTHC. Thực hiện tích hợp 53 dịch vụ công thiết yếu (25 dịch vụ công theo Đề án 06 và 28 dịch vụ công theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ) trên Cổng dịch vụ công quốc gia, kết nối liên thông đến Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thái

Nguyên, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để chia sẻ, khai thác dữ liệu, phục vụ công tác giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công của tỉnh.

- Tỉnh Thái Nguyên đã hoàn thành tích hợp giải pháp xác thực qua tài khoản VNeID trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thái Nguyên. Hiện nay 100% người dân, doanh nghiệp đã được cấp định danh và xác thực điện tử đều có thể đăng nhập, sử dụng dịch vụ công trực tuyến thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của tỉnh. Cấp tài khoản định danh điện tử: Đến nay đã thu nhận 883.200 tài khoản cá nhân, đã kích hoạt 842.882 tài khoản cá nhân, đạt tỷ lệ 95,44%; đã định danh được 2.200/9.459 tài khoản cho tổ chức, đạt tỉ lệ 23,26%, đứng thứ 15/63 tỉnh. Toàn tỉnh có 533.519 tài khoản giao dịch điện tử cá nhân được phê duyệt (tài khoản dùng trên ứng dụng VssID và cổng DVC BHXH Việt Nam). Đã xác thực được 1.273.748/1.278.189 thông tin nhân khẩu trong CSDL do BHXH tỉnh Thái Nguyên quản lý với CSDL quốc gia về dân cư (không bao gồm lực lượng vũ trang, thân nhân quân đội), đạt 99,65%. Triển khai tạo tài khoản an sinh chi trả chính sách xã hội: Tổng số đối tượng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh đã được tạo tài khoản là 78.174/81.183 đối tượng, đạt 96,29%[17].

6.5. Tình hình, kết quả triển khai dịch vụ công trực tuyến

- Tỉnh Thái Nguyên đang cung cấp 911 dịch vụ công trực tuyến và được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia (trong đó 740 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 171 dịch vụ công trực tuyến một phần). Hiện nay 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến đã được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của tỉnh. Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được cung cấp trên cổng dịch vụ công Quốc gia là 338 DVC (đạt 100%); tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt 53%; tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến đạt 71,5%. Số hóa hồ sơ: Tỷ lệ số hoá hồ sơ đạt 87,15%; tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử đạt 87,4%; tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt 93,7%.

6.6. Triển khai ứng dụng hỗ trợ người dân, doanh nghiệp

Tiếp tục triển khai thực hiện các ứng dụng số phục vụ các nhu cầu của người dân hiệu quả như: Sàn giao dịch Thương mại điện tử tỉnh Thái Nguyên, sổ sức khỏe điện tử, sổ bảo hiểm xã hội điện tử... 100% các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh đã thực hiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế bằng CCCD gắn chíp điện tử. Triển khai nhân rộng mô hình chợ 4.0; thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, giải quyết TTHC; thiết lập thêm nhiều kênh cung cấp thông tin về giải quyết TTHC như cung cấp khả năng liên kết truy cập thông tin về TTHC, truy cập đến Hệ thống thông tin giải

---

[17]Trong đó: Số tài khoản đối tượng người có công là 17.454/18.929 đối tượng, đạt 92,21%; đối tượng Bảo trợ xã hội là 42.557/42.557 đối tượng, đạt 100%; đối tượng Hộ nghèo, hộ cận nghèo là 8.163/19.697 đối tượng, đạt 92,22%.

quyết TTHC tỉnh Thái Nguyên và Cổng dịch vụ công quốc gia qua các ứng dụng mạng xã hội, ứng dụng số của tỉnh như: Ứng dụng công dân số C-Thainguyen, xã hội số Thainguyen-ID...

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Công tác CCHC của tỉnh luôn nhận được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu, sát của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; các đơn vị, địa phương quyết liệt triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ Chương trình CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và Chương trình nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2025. Hằng năm xây dựng kế hoạch và giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, địa phương. Kết quả triển khai CCHC của tỉnh thể hiện qua các Chỉ số CCHC, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ trong những năm qua luôn ổn định và được xếp thứ hạng cao trong cả nước.

- Chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông ngày một nâng cao và đổi mới giải quyết TTHC theo hướng phi địa giới hành chính, chuyển giao một phần quy trình giải quyết TTHC cho tổ chức ngoài nhà nước đảm nhận; tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến đã tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong các giao dịch, giảm thời gian, chi phí giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

- Công tác kiểm tra công vụ, kiểm tra CCHC đã nâng cao chất lượng thực thi công vụ, nâng cao trách nhiệm, tinh thần, thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính được sắp xếp đúng quy định và cơ bản phù hợp về chức năng, nhiệm vụ; thực hiện chính sách tinh giản biên chế đảm bảo tỷ lệ theo kế hoạch giao. Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị và triển khai xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp được triển khai thực hiện kịp thời, đảm bảo tiến độ đề ra, đảm bảo tinh, gọn theo hướng hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, tạo không gian phát triển mới, xây dựng chính quyền gần dân, sát dân, phục vụ Nhân dân tốt hơn.

- Công tác tuyển dụng, quản lý và sử dụng cán bộ, công chức và thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trên địa bàn tỉnh hiệu quả, đảm bảo đúng quy định pháp luật.

- Thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính, biên chế đã phát huy được hiệu quả; một số Sở, ngành đã xây dựng danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; thực hiện có hiệu quả, đảm bảo tiến độ giải ngân vốn đầu tư công.

- Công tác xây dựng chính quyền số, chuyển đổi số đạt được nhiều thành tựu quan trọng đã góp phần hiện đại hoá và thay đổi diện mạo nền hành chính, phương thức, tác phong làm việc, thi hành công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, tăng cường kiểm tra, giám sát trên môi trường số.

2. Vướng mắc, khó khăn, hạn chế

- Việc triển khai thực hiện một số chỉ tiêu Chương trình tổng thể Cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030 còn gặp những khó khăn, vướng mắc nhất định như: Giảm tối thiểu bình quân cả tỉnh 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021 (đến nay tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện giảm từ 797 đơn vị xuống còn 766 đơn vị, tỷ lệ giảm đạt gần 3,9%). Đến năm 2025, có tối thiểu 20% đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên (hiện nay tỉnh Thái Nguyên có 52/766 đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên, tỷ lệ đạt còn thấp so với kế hoạch đề ra, đạt 6,79%, nguyên nhân do một số Bộ, ngành Trung ương chưa ban hành hoặc hướng dẫn việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, xây dựng giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước dẫn đến sự lúng túng, khó khăn cho địa phương trong việc triển khai thực hiện việc xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong các lĩnh vực sự nghiệp công lập, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, nguồn thu khó khăn, các đơn vị sự nghiệp chưa triệt để khai thác các nguồn thu hợp pháp theo chức năng của đơn vị).

- Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công theo kế hoạch địa phương giao có xu hướng đạt thấp: Năm 2021 đạt 92,71%, tuy nhiên, các năm sau đạt lần lượt là năm 2022 đạt 91,92%, năm 2023 đạt 87,53% và năm 2024 đạt 65,98%. Nguyên nhân là do công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư gặp không ít khó khăn do sự thay đổi các quy định của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu; một số chủ đầu tư, Ban quản lý dự án chưa thực sự quyết liệt trong kiểm tra, đôn đốc, yêu cầu nhà thầu thi công theo đúng tiến độ, kế hoạch đã đề ra; sự phối hợp giữa các đơn vị, địa phương liên quan trong quá trình bồi thường giải phóng mặt bằng, xây dựng tái định cư; công tác nghiệm thu, lập hồ sơ thanh toán chưa kịp thời.

- 50% cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành thực hiện thông qua môi trường số (tỉnh Thái Nguyên đã tổ chức 02 cuộc thanh tra chuyên đề về trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ hành chính công; 161 cuộc kiểm tra CCHC, kiểm tra công vụ trên địa bàn tỉnh chủ yếu kiểm tra kết hợp giữa môi trường số với trực tiếp (do việc xây dựng các hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành kết nối, chia sẻ dữ liệu với CSDL dùng chung của địa phương còn gặp khó khăn).

- Còn có cơ quan, đơn vị chưa quan tâm đúng mức đến đánh giá tiến độ thực hiện các nhiệm vụ CCHC giai đoạn 2021 - 2025 (số nhiệm vụ hoàn thành, chưa hoàn thành); một số đơn vị, nhất là cấp xã xây dựng nhiệm vụ CCHC chung chung, chưa cụ thể, chưa thực sự phù hợp với tình hình, đặc điểm, nguồn lực của đơn vị, địa phương. Trách nhiệm của người đứng đầu tại một số cơ quan, đơn vị chưa cao; việc bố trí nguồn lực cho công tác CCHC còn hạn chế.

- Một số đơn vị, địa phương kiểm tra CCHC, kiểm tra thực hiện công vụ chưa thường xuyên, có nơi hình thức, qua kiểm tra không phát hiện được tồn tại, hạn chế dẫn đến không kiến nghị, yêu cầu xử lý kịp thời. Một bộ phận nhỏ cán bộ, công chức, viên chức hạn chế về năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ; tinh thần, trách nhiệm chưa cao, thái độ phục vụ chưa tốt. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện chuyên môn, nghiệp vụ đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chưa thực sự đổi mới cả phương pháp và nội dung; năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp chưa đồng đều.

- Việc thực hiện các TTHC liên thông còn hạn chế; vẫn còn tình trạng quá hạn trong giải quyết TTHC, hồ sơ trả quá hạn tập trung vào lĩnh vực đất đai, tư pháp, xây dựng... ở cả cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến phát sinh chưa cao; hạ tầng truyền dẫn tại địa bàn vùng sâu, vùng xa chưa đồng bộ, việc tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân còn gặp nhiều khó khăn; việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến chưa thực sự thuận lợi cho người dân, tổ chức.

- Việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công lập, định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở ban hành đơn giá dịch vụ sự nghiệp công lập còn chậm, tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và đảm bảo một phần chi thường xuyên thấp.

- Cấp ủy, chính quyền một số đơn vị, địa phương chưa thực sự quyết liệt, chưa quan tâm đúng mức, toàn diện đến CCHC, chưa bám sát tiến độ các nhiệm vụ được giao; chưa quan tâm sử dụng kết quả Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, Chỉ số đánh giá hiệu quả quản trị và hành chính công của đơn vị, địa phương. Chưa có nhiều giải pháp, sáng kiến, mô hình, cách làm hay, tạo đột phá trong triển khai CCHC.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THỜI GIAN TỚI

- Xây dựng Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030 trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện CCHC giai đoạn 2021 – 2025 của tỉnh và bám sát chỉ đạo của Chính phủ về Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030 theo định hướng của Trung ương.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp tinh, gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025 và Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, Kết luận 137-KL/TW ngày 28/3/2025 về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương cấp 2, Kết luận số 178-KL/TW ngày 07/3/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương công tác cán bộ.

- Triển khai Nghị quyết của Quốc hội, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã (mới) năm 2025; sắp xếp, nhập tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên, xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Tiếp tục thực hiện kịp thời các chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị ảnh hưởng, đảm bảo tiến độ sắp xếp đơn vị hành chính các cấp theo yêu cầu của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

- Quyết liệt triển khai thực hiện hiệu quả các kế hoạch, nhiệm vụ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Chuyển đổi số quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ, Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU, kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 của UBND tỉnh.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

- Tập trung đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp đồng bộ với việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, tạo hành lang pháp lý, kịp thời xử lý những vấn đề thực tiễn, tháo gỡ điểm nghẽn về thể chế, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

- Tập trung xây dựng, hoàn thiện các văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới để thi hành các văn bản pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, như: Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi), Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi), Luật Đất đai, Luật Ban hành văn bản QPPL… phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL 2025.

- Đổi mới phương pháp, cách thức và tăng cường công tác kiểm tra công vụ, kiểm tra cải cách hành chính; chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính; thực hiện quyết liệt cải tiến lề lối làm việc, thực hiện giải pháp nâng cao chất lượng thực thi công vụ, nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước sau khi triển khai thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp và sáp nhập tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên.

- Tiếp tục triển khai mô hình Nhân dân phát huy quyền làm chủ tại các đơn vị hành chính cấp xã mới sau sắp xếp, nhập 2 tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai tập huấn CCHC, chính quyền thân thiện, đồng thời tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công; nâng cao mức độ hài lòng của người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước sau khi triển khai thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và sáp nhập tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên.

(Có biểu các Phụ lục và Danh mục thực hiện các chỉ tiêu tại Chương trình Cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025 kèm theo).

Trên đây là báo cáo tổng kết Chương trình CCHC tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Các Cơ quan tham mưu giúp việc của Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên;
- Đài Phát thanh - Truyền hình Thái Nguyên;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, HCC.

Chintk.6/2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Loan

DANH MỤC I

CÁC CHỈ TIÊU ĐÃ HOÀN THÀNH TẠI CHƯƠNG TRÌNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Tính đến thời điểm tháng 5/2025)

CÁC CHỈ TIÊU ĐÃ HOÀN THÀNH: 22/26 chỉ tiêu

Số TT	Các chỉ tiêu của Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025	Kết quả đạt được (hoàn thành)
I	**CẢI CÁCH THỂ CHẾ**	
1	Hoàn thiện văn bản pháp luật để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, phục vụ có hiệu quả việc xây dựng, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.	UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo rà soát để ban hành các văn bản pháp luật liên quan để thúc đẩy chuyển đổi số, phục vụ có hiệu quả việc xây dựng, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; ban hành văn bản về việc rà soát văn bản QPPL về việc thực hiện văn bản QPPL phục vụ triển khai Đề án 06. Bên cạnh đó, để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, phục vụ có hiệu quả việc xây dựng, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, ngày 31/12/2020 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 01/NQ-TU về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025; triển khai thực hiện Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030"; HĐND tỉnh đã Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 Quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND quy định mức thu phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên địa bàn tỉnh.

Số TT	Các chỉ tiêu của Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025	Kết quả đạt được (hoàn thành)
2	- Cơ bản hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật của tỉnh trên các lĩnh vực. - Tập trung hoàn thiện văn bản pháp luật và tổ chức thực hiện tốt hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo.	UBND tỉnh đã chỉ đạo tập trung hoàn thiện văn bản pháp luật và tổ chức thực hiện tốt hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 43/CT-TTg ngày 01/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn hiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật; Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 12/4/2022 của BTV Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL và tổ chức thi hành pháp luật; Quyết định số 3133/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án tăng cường hoạt động xây dựng văn bản QPPL giai đoạn 2023 - 2025. Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, rà soát văn bản. Hoàn thành hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh trong kỳ 2019 - 2023 (ban hành tại Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 29/02/2024). HĐND, UBND tỉnh đã ban hành 321 văn bản QPPL điều chỉnh trên các lĩnh vực (trong đó có 113 Nghị quyết, 208 Quyết định).
II	**CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**	
3	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.	- Theo công bố của Bộ Nội vụ về Chỉ số hài lòng đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2023, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC của tỉnh Thái Nguyên đạt 90,74% (vượt 0,74% so với chỉ tiêu). - Mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực xây dựng, đầu tư tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025 đạt trên 85%.

Số TT	Các chỉ tiêu của Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025	Kết quả đạt được (hoàn thành)
4	Cắt giảm, đơn giản hóa tối thiểu 20% số quy định và cắt giảm tối thiểu 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc thẩm quyền của tỉnh.	Hằng năm, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC trên địa bàn tỉnh và thực hiện rà soát đối với các TTHC thuộc thẩm quyền ban hành của tỉnh. Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền ban hành của tỉnh là 11 thủ tục, trong đó năm 2023 đã thực hiện rà soát và bãi bỏ 01 TTHC, năm 2025 các sở, ngành thuộc tỉnh tiếp tục rà soát, đề xuất bãi bỏ 07 TTHC (02 TTHC thuộc thẩm quyền quản lý của sở Nội vụ và 05 TTHC thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Xây dựng).
5	90% TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời.	UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành đã thực hiện rà soát TTHC để trình UBND tỉnh công bố, công khai và cập nhật kịp thời theo quy định. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 công bố TTHC nội bộ với 41 TTHC nội bộ thuộc 13 lĩnh vực; đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ tỉnh Thái Nguyên tại Quyết định số 2975/QĐ-UBND ngày 28/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh với 38/41 TTHC đạt 92,7% (vượt 2,7% so với chỉ tiêu).
6	100% hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc cơ quan liên quan thông qua phương thức điện tử.	UBND tỉnh đã chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện số hoá hồ sơ kết quả giải quyết TTHC đạt 100% theo yêu cầu. Các hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, được luân chuyển trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thái Nguyên. Đến nay, 100% hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc cơ quan liên quan thông qua phương thức điện tử.
7	100% TTHC thuộc thẩm quyền của địa phương có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến, trong đó 80% được tích hợp cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	Đến nay, 100% TTHC thuộc thẩm quyền của tỉnh Thái Nguyên có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến, trong đó trên 80% được tích hợp cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia: Cung cấp 911 dịch vụ công trực tuyến và được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia (trong đó 740 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 171 dịch vụ công trực tuyến một phần).

Số TT	Các chỉ tiêu của Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025	Kết quả đạt được (hoàn thành)
8	Năm 2021, số hóa kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 30%, 20%, 15%; giai đoạn 2022 - 2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.	UBND tỉnh Thái Nguyên đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện số hoá hồ sơ kết quả giải quyết TTHC. Đến 30/5/2025, tỷ lệ số hóa hồ sơ giải quyết TTHC của tỉnh Thái Nguyên được thống kê trên Cổng dịch vụ công quốc gia đạt 87,15%, đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử. Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa TTHC đối với TTHC của tỉnh Thái Nguyên trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2024 đạt 93,7%. Như vậy, tỷ lệ số hoá hồ sơ giải quyết TTHC của tỉnh Thái Nguyên đã đạt yêu cầu mỗi năm tăng tối thiểu 20%, hướng tới năm 2025 đạt 100%.
II	**CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH**	
9	Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%.	Theo công bố của Bộ Nội vụ về Chỉ số hài lòng đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2023, mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh Thái Nguyên đạt 90,29% (vượt chỉ tiêu 0,29%); năm 2024 đạt 90,23%.
10	Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.	- Đối với mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế (Đã vượt chỉ tiêu đề ra), cụ thể: Theo công bố của Bộ Nội vụ về Chỉ số hài lòng đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2023, mức độ hài lòng đối với việc bệnh viện công lập khám chữa bệnh tốt hơn, kết quả đạt 89,96% (vượt chỉ tiêu 4,96%). Năm 2024 đạt 90,53% (vượt chỉ tiêu 5,53%) - Đối với mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ giáo dục công lập (Đã vượt chỉ tiêu đề ra), cụ thể: Theo công bố của Bộ Nội vụ về Chỉ số hài lòng đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, mức độ hài lòng đối với trường phổ thông công lập dạy tốt hơn, kết quả năm 2023 đạt 89,96%, năm 2024 đạt đạt 91,49% (đều vượt kế hoạch đề ra).
III	**CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ**	
11	Xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài. Thực hiện cơ chế	- Tỉnh Thái Nguyên đã xây dựng được nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài.

Số TT	Các chỉ tiêu của Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025	Kết quả đạt được (hoàn thành)
	cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong bổ nhiệm, đề bạt cán bộ và tuyển dụng công chức, viên chức để thu hút người thực sự có đức, có tài vào làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước.	+ Về nền công vụ chuyên nghiệp, thực tài: Hiện nay, tỉnh đã ban hành quy định về vị trí việc đối với 100% các cơ quan, đơn vị (quyết định vị trí việc làm cho 21 cơ quan thuộc tỉnh và 09 UBND huyện, thành phố và 100% đơn vị SNCL thuộc và trực thuộc). Các cơ quan, đơn vị đã bố trí công chức, viên chức đảm bảo tiêu chuẩn về năng lực, trình độ phù hợp với vị trí việc làm, tạo sự chuyên nghiệp, chuyên môn hóa cao đối với từng vị trí. Hằng năm đã tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về chuyên ngành theo chức danh vị trí việc làm. +Về nền công vụ trách nhiệm, năng động: UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo nâng cao trách nhiệm, nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong thực hiện công vụ, nhiệm vụ đối với công chức, viên chức: Công văn số 5907/UBND-NC ngày 24/11/2022 về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức; Công văn số 1870/UBND-NC ngày 25/4/2023 về việc thực hiện Công điện số 280/CĐ-TTg ngày 19/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 20/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về nâng cao chất lượng công tác tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; Công văn số 5442/UBND-NC ngày 26/10/2023 về thực hiện Công điện số 968/CĐ-TTg ngày 16/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ; triển khai thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc chấn chỉnh, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ... Theo đó, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã tuyên tuyền, chỉ đạo đến toàn thể công chức, viên chức trong đơn vị luôn nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương trong thi hành công vụ, nhiệm vụ, góp phần nâng cao trách nhiệm, sự năng động của công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu công việc trong tình hình hiện nay. - Tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong bổ nhiệm, đề bạt cán bộ và tuyển dụng công chức, viên chức để thu hút người thực sự có đức, có tài vào làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước, cụ thể: + Trong công tác bổ nhiệm, đề bạt cán bộ: Thực hiện quy trình bổ nhiệm, quy hoạch, rà soát quy hoạch; số lượng người đưa ra để lấy phiếu giới thiệu luôn luôn có

Số TT	Các chỉ tiêu của Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025	Kết quả đạt được (hoàn thành)
		sự cạnh tranh rất cao, có những vị trí khi rà soát có từ 5 đến 7 người để đưa ra giới thiệu bổ nhiệm. Việc rà soát đối tượng để đưa ra lấy phiếu giới thiệu, ngoài đối tượng được quy hoạch đúng chức danh bổ nhiệm còn được rà soát đối tượng được quy hoạch chức danh tương đương hoặc cao hơn chức danh bổ nhiệm. Thực hiện đảm bảo quy trình, thủ tục về công tác cán bộ; thực hiện đánh giá cán bộ, lấy phiếu tín nhiệm giữa nhiệm kỳ; kiểm soát kê khai tài sản, đào tạo, bồi dưỡng; khi bổ nhiệm cán bộ thuộc Ban Thường vụ quản lý phải xây dựng chương trình hành động. + Trong công tác tuyển dụng: Triển khai thực hiện tuyển dụng theo vị trí việc làm; Thông báo rộng rãi trên báo chí, cổng thông tin, trang thông tin của cơ quan, đơn vị nên số lượng người tham dự thi tuyển, xét tuyển lớn. Có một số vị trí như giáo viên trung học cơ sở có tỷ lệ lựa chọn cao từ 7 đến 10 người dự tuyển chọn 01 người, các vị trí khác cơ bản cũng từ 3 đến 5 người dự tuyển chọn 01 người. + Chuyển đổi vị trí công tác: Đã xây dựng danh mục vị trí cần phải chuyển đổi và các đơn vị, địa phương có kế hoạch chuyển đổi cụ thể và định kỳ thực hiện chuyển đổi cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại một số vị trí liên quan đến việc quản lý ngân sách, tài sản của Nhà nước, trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, đơn vị, cá nhân nhằm chủ động phòng ngừa tham nhũng. + Thực hiện luân chuyển cán bộ, công chức: Cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý được cử đi sở, ngành, đi huyện bổ nhiệm công chức lãnh đạo, quản lý sang chức danh khác trong một khoảng thời gian để đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện theo yêu cầu nhiệm vụ.
IV	**XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ**	
12	100% cơ sở dữ liệu tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử được kết nối, chia sẻ với hệ thống của quốc gia.	Đến nay, 100% cơ sở dữ liệu tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử tỉnh Thái Nguyên đã kết nối chia sẻ với hệ thống của quốc gia, bao gồm các cơ sở dữ liệu: - Dữ liệu hồ sơ thủ tục hành chính của người dân doanh nghiệp; - Dữ liệu người dùng trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; - Dữ liệu thông tin mã độc;

Số TT	Các chỉ tiêu của Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025	Kết quả đạt được (hoàn thành)
		- Dữ liệu kho dữ liệu lưu trữ điện tử; - Dữ liệu cán bộ công chức, viên chức; - Thông tin dữ liệu chuyên ngành: Tài chính, giáo dục, y tế, tài nguyên môi trường, giao thông vận tải, kế hoạch đầu tư - Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu sổ sức khỏe điện tử - Bộ Y tế; - Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu Hộ tịch điện tử toàn quốc; - Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu an sinh xã hội.
13	Duy trì, kết nối Cổng DVC, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng DVC quốc gia	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thái Nguyên (trên cơ sở hợp nhất giữa Cổng dịch vụ công của tỉnh và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh) đã được kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, với Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thái Nguyên bao gồm các phân hệ: 13 sở, ban, ngành; 09 huyện, thành phố và 172 xã, phường, thị trấn; kết nối và chia sẻ thông tin qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Thái Nguyên.
14	Trên 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và trên 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).	Tỉnh đã triển khai Hệ thống quản lý văn bản và điều hành thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp xã để phục vụ xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng. Theo kết quả thống kê trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành: Trên 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và trên 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng.
15	100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của tỉnh.	Đã hoàn thành tích hợp giải pháp xác thực qua tài khoản VNeID trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thái Nguyên. Hiện nay 100% người dân, doanh nghiệp đã được cấp định danh và xác thực điện tử đều có thể đăng nhập, sử dụng dịch vụ công trực tuyến thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của tỉnh. Cấp tài

Số TT	Các chỉ tiêu của Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025	Kết quả đạt được (hoàn thành)
		khoản định danh điện tử: đến nay đã thu nhận 883.200 tài khoản cá nhân, đã kích hoạt 842.882 tài khoản cá nhân, đạt tỷ lệ 95,44%; đã định danh được 2.200/9.459 tài khoản cho tổ chức đạt tỉ lệ 23,26% đứng thứ 15/63 tỉnh.
16	80% các hệ thống thông tin của sở, ngành, địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không phải cung cấp lại.	Triển khai Hệ thống quản lý văn bản và điều hành thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp xã để phục vụ xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng; kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Thái Nguyên, đạt 100%. Đã hoàn thành tích hợp chức năng số hóa hồ sơ thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Thái Nguyên ở cả 3 cấp, theo hướng dẫn tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đồng thời đã triển khai kho dữ liệu điện tử của người dân trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thái Nguyên để lưu thành phần hồ sơ kết quả giải quyết thủ tục hành chính của người dân, đồng thời người dân có thể tải thông tin, giấy tờ của cá nhân (còn hiệu lực) để phục vụ quá trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.
17	100% hệ thống báo cáo của các sở, ngành, địa phương được kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh và quốc gia.	Triển khai Hệ thống quản lý văn bản và điều hành thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp xã để phục vụ xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng; kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Thái Nguyên, đạt 100%. Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Thái Nguyên được triển khai thí điểm từ năm 2021 đã kết nối với Hệ thống Thông tin báo cáo Chính phủ. Triển khai Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ, để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, tỉnh Thái Nguyên triển khai Nền tảng quản trị tổng thể tỉnh Thái Nguyên (G-ThaiNguyen) để tích hợp, chia sẻ thông tin dữ liệu các chỉ số, nhóm chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành của tỉnh, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND. Hiện nay, đang tiếp tục triển khai, hoàn thiện và thực hiện, kết nối với Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo chỉ đạo, hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ.

Số TT	Các chỉ tiêu của Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025	Kết quả đạt được (hoàn thành)
18	Triển khai nhân rộng Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Ủy ban nhân dân tỉnh đến Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã: 100% cấp tỉnh và cấp huyện, 80% cấp xã thực hiện họp thông qua hệ thống này đối với các cuộc họp của UBND.	Hiện nay Hệ thống họp trực tuyến của tỉnh Thái Nguyên đã triển khai từ cấp tỉnh đến cấp xã đạt 100% (Bao gồm: 13 cơ quan cấp tỉnh; 09 UBND cấp huyện và 172 UBND cấp xã).
19	100% sở, ngành, địa phương hoàn thành việc xây dựng và đưa vào vận hành Phân hệ theo dõi nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao, bảo đảm hiển thị theo thời gian thực.	Triển khai Hệ thống quản lý văn bản và điều hành thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp xã để phục vụ xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, theo dõi nhiệm vụ của UBND và Chủ tịch UBND tỉnh giao, bảo đảm hiển thị theo thời gian thực; kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Thái Nguyên, đạt 100%. Triển khai Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ, để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, tỉnh Thái Nguyên triển khai Nền tảng quản trị tổng thể tỉnh Thái Nguyên (G-ThaiNguyen) để tích hợp, chia sẻ thông tin dữ liệu các chỉ số, nhóm chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành của tỉnh, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND. Hiện nay, đang tiếp tục triển khai, hoàn thiện và thực hiện, kết nối với Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo chỉ đạo, hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ.
20	Tối thiểu 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.	- Tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện rà soát, thống kê đầy đủ số TTHC có phí (trên cơ sở các dịch vụ công toàn trình) để tích hợp lên Cổng dịch vụ công Quốc gia. Hiện nay tỉnh Thái Nguyên có 331/331 TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được cung cấp, có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia (đạt 100%). - Đến ngày 30/5/2025, tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến của tỉnh Thái Nguyên trên Cổng dịch vụ công Quốc gia đạt 70,37% (171TTHC).

Số TT	Các chỉ tiêu của Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025	Kết quả đạt được (hoàn thành)
21	80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.	Hiện nay người dân không phải cung cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, xác nhận thông tin cư trú do Hệ thống thông tin giải quyết TTHC được kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thống kê số liệu trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa của tỉnh Thái Nguyên hiện nay là 87,15%.
22	Đến năm 2025, xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.	Hiện nay, tỉnh Thái Nguyên đã hoàn thành phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu công chức, viên chức theo quy định. Để đáp ứng cơ cấu, tiêu chuẩn chức danh vị trí việc làm, khung năng lực theo quy định, các cán bộ, công chức, viên chức đang công tác hoặc được tuyển dụng mới đã tích cực tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng để được bổ nhiệm ngạch, chức danh nghề nghiệp phù hợp. Về cơ bản, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh đã đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

DANH MỤC II
CÁC CHỈ TIÊU CHƯA HOÀN THÀNH TẠI CHƯƠNG TRÌNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Tính đến thời điểm tháng 5/2025)

CÁC CHỈ TIÊU CHƯA HOÀN THÀNH: 04/26 chỉ tiêu

Số TT	Chỉ tiêu của Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025	Thực trạng	Mức độ hoàn thành	Giải pháp	Cơ quan chủ trì tham mưu triển khai	Cơ quan tổ chức thực hiện
I	**CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH**					
1	Giảm tối thiểu bình quân cả tỉnh 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021.	Năm 2021, tỉnh Thái Nguyên có 797 đơn vị SNCL, để thực hiện giảm tối thiểu 10% số lượng đơn vị SNCL đến hết năm 2025, tỉnh phải giảm tối thiểu 80 đơn vị. Tính đến 31/12/2024, tổng số đơn vị SNCL của tỉnh là ***766*** đơn vị, ***giảm 31 đơn vị*** so với năm 2021, tỷ lệ giảm ***đạt gần 3,9%.*** Việc tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của tất cả các cơ quan, đơn vị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả là một vấn đề khó, phức tạp và ảnh hưởng đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, do đó, đến nay, tỷ lệ giảm đơn vị SNCL của tỉnh chưa cao.	Hiện nay tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện giảm ***3,9%*** (31/797 đơn vị SNCL so với năm 2021). Để đảm bảo yêu cầu, ***cần phải giảm 49*** đơn vị SNCL ***(6,1%)*** từ nay đến hết năm 2025.	Tiếp tục thực hiện rà soát chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị SNCL, thực hiện sắp xếp, sáp nhập, chuyển đổi mô hình hoạt động theo chỉ đạo của Trung ương về thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, đảm bảo đến hết năm 2025, giảm 80 đơn vị SNCL.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện.
II	**CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG**					

Số TT	Chỉ tiêu của Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025	Thực trạng	Mức độ hoàn thành	Giải pháp	Cơ quan chủ trì tham mưu triển khai	Cơ quan tổ chức thực hiện
2	Đến năm 2025, có tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.	Đến nay, tỉnh Thái Nguyên mới ***đạt 6,79%*** đơn vị SNCL tự đảm bảo chi thường xuyên ***(52/766 đơn vị).*** Từ nay đến hết năm 2025 cần phải có thêm 101 đơn vị SNCL chuyển đổi sang tự bảo đảm chi thường xuyên. Nguyên nhân do một số Bộ, ngành Trung ương chưa ban hành hoặc hướng dẫn việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, xây dựng giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước dẫn đến sự lúng túng, khó khăn cho địa phương trong việc triển khai thực hiện việc xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong các lĩnh vực sự nghiệp công lập, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, nguồn thu khó khăn, các đơn vị sự nghiệp chưa triệt để khai thác các nguồn thu hợp pháp theo chức năng của đơn vị.	Hiện nay tỉnh Thái Nguyên có 52/766 đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên, tỷ lệ đạt còn thấp so kế hoạch đề ra ***(đạt 6,79%).*** Theo yêu cầu đến năm 2025, có tối thiểu 20% (tương đương với 153 đơn vị) do đó còn thiếu ***101 đơn vị*** cần chuyển đổi sang SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên).	Tập trung ban hành Danh mục dịch vụ SNCL sử dung ngân sách nhà nước; định mức kinh tế, kỹ thuật làm cơ sở ban hành đơn giá và cơ sở đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ SNCL. Thực hiện sắp xếp, tinh giản biên chế theo chỉ đạo của Trung ương về thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, triệt để tiết kiệm chi. Các đơn vị SNCL chủ động khai thác các nguồn thu hợp pháp, cho thuê tài sản phù hợp quy định của pháp luật để tăng nguồn thu; tăng cường mở rộng liên doanh, liên kết. đảm bảo có ***tối thiểu 13,34%*** đơn vị SNLC tự bảo đảm chi thường xuyên từ nay đến năm 2025 (tương đương	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện.

Số TT	Chỉ tiêu của Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025	Thực trạng	Mức độ hoàn thành	Giải pháp	Cơ quan chủ trì tham mưu triển khai	Cơ quan tổ chức thực hiện
				với ***102 đơn vị cần chuyển đổi*** sang đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên).		
3	100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.	- Hiện nay tỉnh Thái Nguyên đang thực hiện chuyển đổi 04 đơn vị SNCL thành công ty cổ phần: 02 đơn vị SNCL thuộc Sở Xây dựng (Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng và Viện Quy hoạch) và 02 đơn vị SNCL thuộc Sở Giao thông Vận Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện (Trung tâm Kiểm định chất lượng và Tư vấn xây dựng giao thông và Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới). Tuy nhiên do Chính phủ chưa có quy định cụ thể để các địa phương làm căn cứ thực hiện (địa phương đang chờ Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định quy định tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ tại công ty cổ phần hoạt động trong lĩnh vực kiểm định) - Chưa có đơn vị chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư).	Hiện nay chưa có đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.	Tiếp tục triển khai thực hiện khi có văn bản của Chính phủ. Tập trung ban hành Danh mục dịch vụ SNCL sử dung ngân sách nhà nước; định mức kinh tế, kỹ thuật làm cơ sở ban hành đơn giá và cơ sở đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ SNCL. Các đơn vị SNCL chủ động khai thác các nguồn thu hợp pháp, cho thuê tài sản phù hợp quy định của pháp luật để tăng nguồn thu; tăng cường mở rộng liên doanh, liên kết.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện.

Số TT	Chỉ tiêu của Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025	Thực trạng	Mức độ hoàn thành	Giải pháp	Cơ quan chủ trì tham mưu triển khai	Cơ quan tổ chức thực hiện
III	**XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ**					
4	Trên 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.	Để việc triển khai hoàn thành các mục tiêu cơ bản tại Nghị quyết số 01-NQ/TU của Tỉnh uỷ Thái Nguyên về chuyển đổi số và đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu đề ra Chương trình cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, trong năm 2024, Sở Thông tin và Truyền thông (nay là Sở Khoa học và Công nghệ) đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Chỉ thị về việc đẩy mạnh các hoạt động kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý (Chỉ thị số 06/CT-UBND của UBND tỉnh ngày 02/4/2024). Một số cơ quan, đơn vị, địa phương đã xây dựng kế hoạch, lựa chọn nội dung và thực hiện kiểm tra thông qua môi trường số, hệ thống thông tin.	Tỉnh Thái Nguyên đã triển khai thực hiện kiểm tra thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.	- Các đơn vị, địa phương triển khai Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 02/4/2024 của UBND tỉnh; các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra thí điểm, lựa chọn nội dung kiểm tra thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý (Đoàn kiểm tra CCHC, công vụ của tỉnh đã thực hiện kiểm tra trên môi trường số về công tác chỉ đạo, điều hành, văn thư, lưu trữ điện tử, giải quyết TTHC, số hoá hồ sơ… tại các đơn vị, địa phương; - Đẩy nhanh việc xây dựng các hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành kết nối, chia sẻ dữ liệu với CSDL dùng chung của tỉnh. Đẩy nhanh số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện.

Số TT	Chỉ tiêu của Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025	Thực trạng	Mức độ hoàn thành	Giải pháp	Cơ quan chủ trì tham mưu triển khai	Cơ quan tổ chức thực hiện
				hóa hồ sơ TTHC tại các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.		

Phụ lục 1

Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025

(Kèm theo Báo cáo số 119/BC-SNV ngày 14 /6/2025 của Sở Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
		Năm 2021	**Năm 2022**	**Năm 2023**	**Năm 2024**	**Năm 2025** *(tính đến 31/3)*
1	**Số lượng văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (*kết luận, chỉ thị công văn chỉ đạo, quán triệt*)**	29	27	30	32	23
2	**Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch CCHC năm**					
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	26	26	22	29	30
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn hành	26	26	22	29	16
3	**Kiểm tra CCHC**					
3.1	Số đơn vị kiểm tra	11	12	15	13	-
3.2	Tỷ lệ xử lý vấn đề qua kiểm tra					
3.2.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	12	16	9	12	-
3.2.2	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	12	16	9	12	
4	**Tuyên truyền CCHC**					
4.1	Tổ chức cuộc thi tìm hiểu CCHC *(Có tổ chức = 1; Không tổ chức = 0)*	0	1	1	0	-
4.2	Số lượng bản tin chuyên đề CCHC trên đài PT-TH tỉnh	2	2	2	2	2
4.3	Số lớp tập huấn chuyên đề CCHC	4	4	4	4	-
4.4	Xây dựng chuyên mục CCHC trên Cổng TTĐT của tỉnh *(Có xây dựng = 1; Không xây dựng = 0)*	1	1	1	1	1
4.5	Hình thức tuyên truyền CCHC khác (nếu có).	Bản tin	Bản tin	Bản tin	Trang TTĐT	Trang TTĐT
5	**Số lượng mô hình, sáng kiến CCHC được triển khai áp dụng**	11	15	16	22	15
6	**Xây dựng, áp dụng bộ tiêu chí đánh giá CCHC các cơ quan, đơn vị**					
6.1	Bộ tiêu chí đánh giá sở, ngành	19	19	19	19	-
6.2	Bộ tiêu chí đánh giá UBND cấp huyện	9	9	9	9	-
6.3	Bộ tiêu chí đánh giá UBND cấp xã	177	177	177	172	-
6.4	Bộ tiêu chí đánh giá cơ quan ngành	0	0	0	0	-

STT	Chỉ tiêu	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
		Năm 2021	**Năm 2022**	**Năm 2023**	**Năm 2024**	**Năm 2025** *(tính đến 31/3)*
	dọc tại địa phương					
7	**Khảo sát sự hài lòng của người dân**					
7.1	Số lượng phiếu khảo sát	6.500	5.500	5.000	5.000	-
7.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến, phát phiếu	Trực tuyến	Trực tuyến	Trực tuyến	-
7.3	Mức độ hài lòng chung	94,8	86,80	88,94	90,86	-
8	**Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, doanh nghiệp**	3 cuộc	5 cuộc	4 cuộc	4 cuộc	1 cuộc
9	**Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao**					
9.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	62	149	159	216	10
9.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	62	149	150	216	10
9.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	0	0	0	0	0
9.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	0	0	0	0	0

Phụ lục 2

Thống kê các nhiệm vụ tại lĩnh vực cải cách thể chế của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025

(Kèm theo Báo cáo số 119 /BC-SNV ngày 14 /6/2025 của Sở Nội vụ)

STT	Nhiệm vụ/tiêu chí		Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 *(Tính đến 31/3)*
1	**Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) chủ trì soạn thảo đã được ban hành**		83	69	64	97	8
	Chia theo tên loại VBQPPL	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	27	35	28	22	1
		Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	56	34	36	75	7
		Nghị quyết của Hội đồng nhân cấp huyện	-	-	-	-	-
		Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	-	-	-	-	-
		Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã	-	-	-	-	-
		Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã	-	-	-	-	-
2	**Kiểm tra, xử lý VBQPPL**						
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh		56	34	81	75	6
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra		100%	100%	100%	100%	100%
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra		0	0	0	0	0
2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong		0	0	0	0	0
3	**Rà soát VBQPPL**						
3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh		159	282	17	116	0
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát		100%	100%	100%	100%	0
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát		9	12	3	20	0
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong		0	0	0	0	0

STT	Nhiệm vụ/tiêu chí	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 *(Tính đến 31/3)*
4	**Số VBQPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền**	0	0	0	0	0
5	**Số VBQPPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền đã được xử lý**	0	0	0	0	0
6	**Văn bản không phải là VBQPPL nhưng có chứa quy phạm pháp luật**	0	0	0	0	0

Phụ lục 3

Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025

(Kèm theo Báo cáo số 119 /BC-SNV ngày 14 /6/2025 của Sở Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 *(tính đến 31/3)*
1	**Thống kê TTHC**					
1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	37	66	46	158	0
1.2	**Số TTHC công bố mới**	1.859	617	607	1.008	1.132
1.3	**Số TTHC bãi bỏ, thay thế**	1.718	619	633	948	1.095
1.4	Tổng số TTHC của tỉnh	1.870	1.893	1.863	1.915	1.935
1.4.1	*Số lượng TTHC cấp tỉnh*	1.481	1.478	1.464	1.473	1.486
1.4.2	*Số lượng TTHC cấp huyện*	275	289	270	317	323
1.4.3	*Số lượng TTHC cấp xã*	114	126	129	125	126
2	**Số lượng thủ tục hành chính được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng/ Trang Thông tin điện tử**	1.870	1.893	1.863	1.915	1.935
3	**Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**					
3.1	Số lượng TTHC thực hiện được giải quyết tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kế quả cấp sở, ngành	1.481	1.478	1.464	1.473	1.486
3.2	Số lượng TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp huyện	275	289	270	317	323
3.3	Số lượng TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã	114	126	129	125	126
3.4	Số TTHC liên thông cùng cấp	52	73	73	73	73
3.5	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	38	59	59	59	59
3.6	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	0	3	3	3	3
4	**Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC**					
4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp tỉnh giải quyết đúng hẹn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hẹn)	99,62	99,95	99,7	99,80	99,73

4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp huyện giải quyết đúng hẹn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hẹn)	99,94	99,62	99,1	99,78	99,42
4.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp xã giải quyết đúng hẹn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hẹn)	99,99	99,72	99,76	99,82	99,78
5	**Tiếp nhận và xử lý PAKN về TTHC**					
5.1	Số lượng PAKN đã tiếp nhận trong năm	27	19	55	119	57
5.2	Số lượng PAKN đã giải quyết trong năm	27	19	55	119	57
5.3	Số lượng PAKN được xử lý và đã công khai kết quả trả lời trên Cổng TTĐT	27	19	55	119	57
6	**Số hóa hồ sơ**					
6.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	-	-	52,36	89,18	87,15
6.2	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	-	-	66,76	87,83	87,42
6.3	Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử	-	-	51,58	89,39	93,73

Phụ lục 4

Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025

(Kèm theo Báo cáo số 119 /BC-SNV ngày 14 /6/2025 của Sở Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 *(tính đến 31/3)*
1	**Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy**					
1.1.	Số sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	19	19	19	19	13
1.2.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	100	100	100	100	100
1.3.	Số UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	9	9	9	9	9
1.4.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	100	100	100	100	100
1.5.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	1	1	1	1	1
1.6.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	59	59	59	59	92
2	**Số liệu về biên chế công chức**					
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	1.936	1.936	1.911	1.887	1.845
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	1.912	1.832	1.832	1.781	1.761
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	0	186	186	0	1.461
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong năm	29	0	0	231	-
2.5.	Tỷ lệ % biên chế công chức đã tinh giản so với 2015	11	11,1	11,1	16	-

3	**Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL**					
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	25.173	24.025	24.666	25.435	25.598
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	24.655	22.695	22.956	22.943	23.031
3.3.	Số người đã tinh giản trong năm	706	0	20	231	-
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với 2015	10.37	13.31	15,5	18	-

Phụ lục 5

Thống kê và so sánh số lượng tổ chức hành chính, sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025

(Kèm theo Báo cáo số 119 /BC-SNV ngày 19 /6/2025 của Sở Nội vụ)

I. Số lượng, cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Tỉnh, thành phố	Giai đoạn	Số cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	Số Chi cục thuộc Sở	Số tổ chức cấp phòng thuộc sở (phòng, văn phòng, thanh tra thuộc Sở)	Số đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp tỉnh	Ghi chú
	2011-2020 (Thời điểm 31/12/2020)	19	14	129	08	
	2021-2025 (Thời điểm 31/3/2025)	13	11	91	06	

II. Số lượng, cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

Tỉnh, thành phố	Giai đoạn	Số UBND cấp huyện	Số CQCM thuộc UBND cấp huyện	Số văn phòng, thanh tra thuộc UBND cấp huyện	Số đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện	Ghi chú
	Giai đoạn 2011-2020 (Thời điểm 31/12/2020)	09	116	9	665	
	Giai đoạn 2021-2025 (Thời điểm 31/3/2025)	09	87	9	658	

III. Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực

Tỉnh, thành phố	Giai đoạn	Tổng số	Sự nghiệp GD-ĐT			Sự nghiệp y tế			Sự nghiệp VH,TDTT			Sự nghiệp khác		
			Thuộc UBND cấp tỉnh	Thuộc CQ chuyên môn cấp tỉnh	Thuộc UBND cấp huyện	Thuộc UBND cấp tỉnh	Thuộc CQ chuyên môn cấp tỉnh	Thuộc UBND cấp huyện	Thuộc UBND cấp tỉnh	Thuộc CQ chuyên môn cấp tỉnh	Thuộc UBND cấp huyện	Thuộc UBND cấp tỉnh	Thuộc CQ chuyên môn cấp tỉnh	Thuộc UBND cấp huyện
	2011-2020 (Thời điểm 31/12/2020)	**797**	1	30	592	0	35	0	0	9	9	7	64	53
	2021-2025 (Thời điểm 31/3/2025)	**766**	02	35	609	0	26	0	0	08	10	04	33	39

Phụ lục 6

Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách chế độ công vụ của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025

(Kèm theo Báo cáo số 119/BC-SNV ngày 14/6/2025 của Sở Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1	**Vị trí việc làm của công chức, viên chức**					
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	21	30	30	30	-
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	797	792	789	777	766
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	0	0	0	0	0
2	**Tuyển dụng công chức, viên chức**					
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	21	24	41	32	0
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	16	24	1	0	1
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	4	24	0	0	2
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	376	227	1.783	1.212	360
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	6	2	1	0	1
3	**Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển** *(Lũy kế từ đầu năm)*	0	0	0	0	0
4	**Số lượng CBCCVC bị kỷ luật** *(cả về Đảng và chính quyền).*					
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	0	0	1	0	0
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	1	1	10	6	0
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	1	9	9	6	0
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ	10	37	81	49	0

STT	Chỉ tiêu	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
	luật.					
5	Số lượng viên chức được bồi dưỡng, tập huấn hằng năm	4.475	3.530	4.170	19.475	387
6	Số lượng các lớp đào tạo, bồi dưỡng	53	43	41	173	7

Phụ lục 7

Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách tài chính công của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025

(Kèm theo Báo cáo số 119 /BC-SNV ngày 14 /6/2025 của Sở Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1	**Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công (CP giao)**	195,80%	142,40%	114,19%	111,38%	38,41%
1.1.	Kế hoạch được giao	3.606.857 triệu đồng	5.992.583 triệu đồng	7.863.264 triệu đồng	5.612.041 triệu đồng	5.584.075 triệu đồng
1.2.	Đã thực hiện	7.062.411 triệu đồng	8.533.635 triệu đồng	8.979.437 triệu đồng	6.250.938 triệu đồng	2.144.864 triệu đồng
2	**Thực hiện tự chủ tài chính của ĐVSN tại địa phương** *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*					
3	**Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương**	812	806	789	777	766
3.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	0	0	0	01	01
3.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	40	46	47	51	52
3.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	179	175	147	146	146
3.4.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	593	585	596	579	567
3.5.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	6	0	0	0	0

***Ghi chú:** Năm 2021, năm 2022, năm 2023 bao gồm cả đơn vị SNCL khối đảng, đoàn thể

Phụ lục 8

Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025

(Kèm theo Báo cáo số 119 /BC-SNV ngày 14 /6/2025 của Sở Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1.	**Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất**	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	
2.	**Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến** *Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.* *Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.*	3 cấp	3 cấp	3 cấp	3 cấp	3 cấp
3.	**Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia**	100	100	100	100	100
4.	**Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).**	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành
5.	**Số liệu về trao đổi văn bản điện tử**					
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã					
5.1.1.	*Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh*	100	100	100	100	100
5.1.2	*Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh*	100	100	100	100	100
5.1.3	*Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.*	100	100	100	100	100
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương *(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).*					
5.2.1	*Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh*	100	100	100	100	100

STT	Chỉ tiêu	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
5.2.2	*Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện*	100	100	100	100	100
5.2.3	*Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã*	100	100	100	100	100
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh					
5.3.1	*Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống*	100	100	100	100	100
5.3.2	*Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống*	100	100	100	100	100
5.3.3	*Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống*	100	100	100	100	100
6	**Cung cấp dịch vụ công trực tuyến**					
6.1	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	-	-	100	100	100
6.1.1.	*Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình*	-	-	932	932	932
6.1.2.	*Số lượng DVCTT toàn trình*	-	-	932	932	932
6.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	-	-	67,01	93,79	93,79
6.2.1	*Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)*	-	-	291	435	435
6.2.2.	*Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến*	-	-	195	408	408
6.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	-	-	96,7	90,4	94.31
6.3.1	*Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)*	-	-	185.594	206.041	34.843
6.3.2	*Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình*	-	-	179.603	186.321	32.860

STT	Chỉ tiêu	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần			56,1	89,89	92,97
6.4.1.	*Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)*	-	-	589.260	462.031	90,081
6.4.2.	*Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần*	-	-	331.009	415.319	93.748
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	-	61	100	100	100
6.5.1.	*Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)*	-	887	176	308	331
6.5.2.	*Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh*	-	584	176	308	331

Phụ lục 9

Đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu cải cách hành chính nhà nước của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025

(Kèm theo Báo cáo số 119 /BC-SNV ngày 14 /6/2025 của Sở Nội vụ)

STT	Các mục tiêu cải cách	Kết quả đạt được *(Nêu số liệu cụ thể nếu có)*	Đánh giá kết quả đạt được *(Đạt/Không đạt)*
1	Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp		Đạt
2	Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử		Đạt
3	Tối thiểu 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên		Đạt
4	Năm 2021, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 30%, 20%, 15%; giai đoạn 2022 - 2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử		Đạt
5	Tối thiểu 80% thủ tục hành chính của các địa phương có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến toàn trình hoặc một phần. Trong số đó, ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%		Đạt
6	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%		Đạt
7	90% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai		Đạt

STT	Các mục tiêu cải cách	Kết quả đạt được *(Nêu số liệu cụ thể nếu có)*	Đánh giá kết quả đạt được ***(Đạt/Không đạt)***
	và cập nhật kịp thời		
8	80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ		Đạt
9	Hoàn thành việc sắp xếp thu gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, xã và thôn, tổ dân phố theo tiêu chuẩn quy định		Đạt
10	Giảm tối thiểu bình quân cả nước 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021		Không đạt
11	Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%		Đạt
12	Phân định rõ và tổ chức thực hiện mô hình chính quyền nông thôn đô thị, hải đảo và đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt		Đạt
13	Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định		Đạt
14	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Đến năm 2025, có tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên;		Không đạt
15	100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư		Không đạt
16	100% cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trên toàn quốc		Đạt
17	100% Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ		Đạt

STT	Các mục tiêu cải cách	Kết quả đạt được *(Nêu số liệu cụ thể nếu có)*	Đánh giá kết quả đạt được ***(Đạt/Không đạt)***
	liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia		
18	100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương		Đạt
19	80% các hệ thống thông tin của địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không phải cung cấp lại		Đạt
20	100% hệ thống báo cáo của các bộ, ngành, địa phương được kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia		Đạt
21	Triển khai nhân rộng Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện: 100% cấp tỉnh, 80% cấp huyện thực hiện họp thông qua Hệ thống này đối với các cuộc họp của Ủy ban nhân dân		Đạt
22	90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)		Đạt
23	50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý		Không đạt
24	100% bộ, ngành, địa phương hoàn thành việc xây dựng và đưa vào vận hành Phân hệ theo dõi nhiệm vụ Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao, bảo đảm hiển thị theo thời gian thực		Đạt